

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 180/QĐ-ĐHPY ngày 18 tháng 4 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

**Tên chương trình: QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
(Business Administration)

**Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC**

**Ngành đào tạo: QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
(Business Administration)

**Mã số: 7340101**

**Loại hình đào tạo: CHÍNH QUY**

**Loại bằng: CỬ NHÂN**

**Khoa quản lý: KHOA KINH TẾ**

**Website: www.pyu.edu.vn**

### 1. Giới thiệu chung

- Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phú Yên: “**Chất lượng - Sáng tạo - Vì cộng đồng**”.

- Về chương trình và ngành đào tạo: Chương trình Quản trị kinh doanh được xây dựng để cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, thái độ nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh.

### 2. Mục tiêu đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có kiến thức về quản trị kinh doanh, có kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề trong kinh doanh và quản trị. Đồng thời, người học có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

- PO1: Hiểu các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để hỗ trợ người học phát triển nghề nghiệp và hoàn thiện bản thân.

- PO2: Áp dụng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành về quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề thực tiễn và ra quyết định trong tổ chức.

- PO3: Áp dụng kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thuộc ngành quản trị kinh doanh.

- PO4: Phát triển các kỹ năng mềm để thực hiện các nhiệm vụ trong tổ chức.

- PO5: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong môi trường làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với cộng đồng.

- PO6: Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

- PO7: Tự định hướng, tổ chức hoạt động kinh doanh.

- PO8: Tuân thủ pháp luật, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

### 3. Chuẩn đầu ra

Theo Quyết định số 236/QĐ-ĐHPY ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy.

#### 3.1. Về kiến thức

PLO1. Hiểu có hệ thống về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vận dụng kiến thức các môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp phù hợp và sáng tạo.

PLO2. Hiểu các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để nhận định các vấn đề liên quan trong hoạt động kinh doanh và quản trị.

PLO3. Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh để giải thích các vấn đề kinh doanh trong trường hợp cụ thể.

PLO4. Áp dụng các kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh để ra quyết định và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong hoạt động kinh doanh và quản trị.

PLO5. Phân tích và phối hợp các chức năng quản trị gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát để hoàn thành mục tiêu của tổ chức.

#### 3.2. Về kỹ năng

PLO6: Áp dụng các kỹ năng nghề nghiệp về hoạch định, tổ chức, triển khai và kiểm soát các chiến lược, các kế hoạch kinh doanh.

PLO7: Phân tích, nhận định vấn đề, tìm nguyên nhân, đề xuất, lựa chọn giải pháp tối ưu để giải quyết các vấn đề trong kinh doanh và quản trị.

PLO8: Xây dựng và triển khai dự án kinh doanh, khởi nghiệp.

PLO9: Có kỹ năng làm việc độc lập, phối hợp làm việc trong tổ chức, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng thiết lập mục tiêu và ra quyết định, kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, kỹ năng tổ chức sự kiện và hoạt náo, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc hiệu quả, kỹ năng giải quyết vấn đề để thực hiện các nhiệm vụ trong tổ chức.

PLO10: Có kỹ năng hội nhập trong môi trường làm việc thay đổi.

PLO11. Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6, theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

#### 3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO12: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong môi trường làm việc thay đổi.

PLO13: Có năng lực quản lý, hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

PLO14: Có năng lực tổ chức hoạt động khởi nghiệp.

PLO15: Có ý thức đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và có ý thức trách nhiệm với cá nhân, xã hội và cộng đồng.

#### 3.4. Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên kinh doanh, chuyên viên tư vấn kinh doanh, trợ lý kinh doanh tại các doanh nghiệp, công ty, sở ban ngành trong nhiều lĩnh vực ngành nghề. Sau thời gian làm việc tích lũy kinh nghiệm người học có thể phát triển nghề nghiệp trở thành quản trị viên cấp trung như: trưởng nhóm hoặc phó trưởng bộ phận đơn vị.

- Chuyên viên thiết kế và điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn viên du lịch, chuyên viên kinh doanh các sản phẩm du lịch. Sau thời gian làm việc tích lũy kinh nghiệm người học có thể phát triển nghề nghiệp trở thành quản trị viên cấp trung như: trưởng hoặc phó bộ phận của doanh nghiệp lữ hành, doanh nghiệp du lịch.

- Chủ doanh nghiệp thông qua việc tạo lập và điều hành doanh nghiệp.

### 3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Tự nghiên cứu, học tập nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác.
- Đủ năng lực học tập ở các bậc sau đại học thuộc chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

**Bảng 3.1: Quan hệ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT**

Mục tiêu POs	Chuẩn đầu ra PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	x	x									x				
PO2			x	x	x										
PO3						x	x	x			x				
PO4							x		x	x					
PO5									x		x	x			x
PO6													x		
PO7								x						x	
PO8															x

#### 4. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ toàn khóa là 125 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (*chưa kể Giáo dục thể chất 4 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ*).

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>25</b>	<b>25</b>	<b>0</b>
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>100</b>	<b>67</b>	<b>33</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	21	15	6
2.2	Kiến thức ngành	39	27	12
2.3	Kiến thức chuyên ngành	24	12	12
2.4	Thực tế, thực tập tốt nghiệp	9	9	0
2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7	4	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>125</b>	<b>92</b>	<b>33</b>

#### 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 335/QĐ-ĐHPY ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Phú Yên.

**Bảng 6.1: Mô tả sự chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT**

Chương trình đào tạo: QUẢN TRỊ KINH DOANH		Triết lý giáo dục		
		Chất lượng	Sáng tạo	Vì cộng đồng
Khối kiến thức trong	Khối kiến thức đại cương	X		X
	Khối kiến thức cơ sở ngành	X	X	X



## 8. Phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình theo dõi ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo được chia thành 2 nhóm chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

**8.1. Đánh giá theo tiến trình:** Các phương pháp đánh giá cụ thể gồm: *Chuyên cần, Bài tập, Thuyết trình.*

**8.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ:** Các phương pháp đánh giá cụ thể gồm: *Thi viết, Thi trắc nghiệm, Thi vấn đáp, Báo cáo tiểu luận, Đánh giá thuyết trình, Khóa luận tốt nghiệp.*

**Bảng 8.1. Quan hệ giữa các phương pháp đánh giá với Chuẩn đầu ra (PLOs) của chương trình đào tạo**

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)	PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
<b>I</b>	<b>Đánh giá tiến trình</b>														
1	Đánh giá chuyên cần	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Đánh giá bài tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Đánh giá thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>II</b>	<b>Đánh giá tổng kết/định kỳ</b>														
4	Thi viết	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Thi trắc nghiệm		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
6	Thi vấn đáp										X				
7	Báo cáo, tiểu luận		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Đánh giá thuyết trình			X											
9	Khóa luận tốt nghiệp			X											

## 9. Nội dung chương trình

**Bảng 9.1: Nội dung chương trình đào tạo**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (số thứ tự HP)
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
<b>9.1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>25</b>	<b>285</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	
<b>9.1.1</b>	<b>Lý luận Chính trị</b>		<b>11</b>	<b>165</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1.	LC111013	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	0	0	
2.	LC112112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0	0	1
3.	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	2
4.	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	3
5.	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	4
<b>9.1.2</b>	<b>Khoa học Xã hội – Nhân văn</b>		<b>2</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
6.	LC130012	Pháp luật đại cương	2	15	15	0	0	1

<b>9.1.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
7.	NG116063	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	30	15	0	0	
<b>9.1.4</b>	<b>Kiến thức Khoa học tự nhiên</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	
8.	TN117013	Toán cơ sở cho kinh tế	3	30	15	0	60	
<b>9.1.5</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>		<b>6</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	
9.	KT120612	Khởi nghiệp	2	15	15	0	30	
10.	KT120022	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	15	15	0	30	
11.	KT120082	Phương pháp nghiên cứu định lượng trong quản trị	2	15	15	0	30	10
<b>9.1.6</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	
12.	TC120011	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
13.	TC121011	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	12
14.	TC122001	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	13
	TC122011	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 1)	1	0	0	30	0	
	TC122021	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chày 1)	1	0	0	30	0	
	TC122031	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 1)	1	0	0	30	0	
	TC122041	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 1)	1	0	0	30	0	
TC122051	Giáo dục Thể chất 3 (Võ Cổ truyền 1)	1	0	0	30	0		
15.	TC123001	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	14
	TC123011	Giáo dục Thể chất 4 (Cầu lông 2)	1	0	0	30	0	
	TC123021	Giáo dục Thể chất 4 (Bóng chày 2)	1	0	0	30	0	
	TC123031	Giáo dục Thể chất 4 (Bóng đá 2)	1	0	0	30	0	
	TC123041	Giáo dục Thể chất 4 (Bóng bàn 2)	1	0	0	30	0	
TC123051	Giáo dục Thể chất 4 (Võ Cổ truyền 2)	1	0	0	30	0		
<b>9.1.7</b>	<b>Giáo dục quốc phòng – an ninh</b>		<b>8</b>					
16.	TC140008	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
<b>9.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>100</b>	<b>870</b>	<b>225</b>	<b>540</b>	<b>1740</b>	
						<b>+405</b>	<b>1740</b>	
						<b>giờ</b>		
<b>9.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>21</b>	<b>210</b>	<b>105</b>	<b>0</b>	<b>420</b>	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>15</b>	<b>150</b>	<b>75</b>	<b>0</b>	<b>300</b>	
17.	KT120103	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	60	
18.	KT120113	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	0	60	
19.	KT120033	Nguyên lý kế toán	3	30	15	0	60	
20.	KT120043	Marketing căn bản	3	30	15	0	60	17,18
21.	KT120123	Quản trị học	3	30	15	0	60	17,18
	<b>- Tự chọn:</b>		<b>6</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	
	<b>* Hướng 1:</b>		<b>6</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	
22.	KT120053	Tài chính tiền tệ	3	30	15	0	60	
23.	KT120063	Kinh tế phát triển	3	30	15	0	60	
	<b>* Hướng 2:</b>		<b>6</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	
24.	XH120663	Địa lý du lịch Việt Nam	3	30	15	0	60	
25.	KT120073	Kinh tế du lịch	3	30	15	0	60	
<b>9.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>39</b>	<b>360</b>	<b>90</b>	<b>270</b>	<b>720</b>	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>27</b>	<b>240</b>	<b>90</b>	<b>150</b>	<b>480</b>	
26.	KT120133	Quản trị nguồn nhân lực	3	30	0	30	60	21

27.	KT120143	Quản trị Marketing	3	30	0	30	60	20
28.	KT120153	Quản trị tài chính	3	30	0	30	60	21
29.	KT120163	Quản trị chiến lược	3	30	0	30	60	21
30.	KT120393	Quản trị chất lượng	3	30	0	30	60	21
31.	KT120272	Kỹ năng giao tiếp	2	15	15	0	30	
32.	KT120282	Kỹ năng thiết lập mục tiêu	2	15	15	0	30	
33.	KT120312	Kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc hiệu quả	2	15	15	0	30	
34.	KT120292	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	15	15	0	30	
35.	KT120302	Kỹ năng tổ chức sự kiện	2	15	15	0	30	
36.	KT120542	Kỹ năng ứng tuyển và trả lời phỏng vấn	2	15	15	0	30	
<b>-Tự chọn: 12/21 tín chỉ</b>			<b>12</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>240</b>	
37.	KT120213	Quản trị rủi ro	3	30	0	30	60	21
38.	KT120223	Hành vi tổ chức	3	30	0	30	60	
39.	KT120183	Quản trị thương hiệu	3	30	0	30	60	21
40.	KT120193	Kinh tế quốc tế	3	30	0	30	60	17,18
41.	KT120233	Hành vi người tiêu dùng	3	30	0	30	60	
42.	KT120243	Nghiên cứu thị trường	3	30	0	30	60	
43.	KT120253	Đạo đức kinh doanh	3	30	0	30	60	
44.	KT120263	Kế toán quản trị	3	30	0	30	60	19
<b>9.2.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>24</b>	<b>240</b>	<b>0</b>	<b>240</b>	<b>480</b>	
	<b>Tự chọn: chọn 1 trong 2 chuyên ngành</b>		<b>24</b>	<b>240</b>	<b>0</b>	<b>240</b>	<b>480</b>	
	<b>* Chuyên ngành 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp</b>							
	<b>-Bắt buộc:</b>		<b>12</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>240</b>	
45.	KT120363	Lập kế hoạch kinh doanh	3	30	0	30	60	21
46.	KT120373	Quản trị dự án	3	30	0	30	60	21
47.	KT120333	Quản trị sản xuất	3	30	0	30	60	21
48.	KT120343	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	0	30	60	21
	<b>-Tự chọn: chọn 12/21 tín chỉ</b>		<b>12</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>240</b>	
49.	KT120353	Quản trị quan hệ khách hàng	3	30	0	30	60	21
50.	KT120383	Thương mại điện tử	3	30	0	30	60	
51.	KT120173	Quản trị bán hàng	3	30	0	30	60	21
52.	KT120403	Quản trị sự thay đổi	3	30	0	30	60	21
53.	KT120423	Kế toán doanh nghiệp	3	30	0	30	60	19
54.	LC130113	Luật kinh tế	3	30	15	0	60	6
55.	KT120413	Văn hóa doanh nghiệp	3	30	0	30	60	
	<b>* Chuyên ngành 2: Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành</b>							
	<b>-Bắt buộc:</b>		<b>12</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>240</b>	
56.	KT120473	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	30	0	30	60	21
57.	KT120463	Quản trị khu nghỉ dưỡng	3	30	0	30	60	21
58.	KT120513	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	30	0	30	60	
59.	XH147513	Thiết kế và điều hành tour	3	30	0	30	60	
	<b>-Tự chọn: chọn 12/21 tín chỉ</b>		<b>12</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>240</b>	
60.	KT120493	Marketing du lịch	3	30	0	30	60	20
61.	KT120503	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	30	0	30	60	21
62.	XH147113	Tuyên điểm du lịch Việt Nam	3	30	0	30	60	
63.	KT120503	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	30	0	30	60	21

64.	KT120523	Quản lý điểm đến du lịch	3	30	0	30	60	
65.	LC130143	Luật du lịch	3	30	15	0	60	6
66.	KT120553	Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch	3	30	0	30	60	
<b>9.2.4</b>	<b>Thực tế, thực tập tốt nghiệp</b>		<b>9</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>405</b>	<b>0</b>	
67.	KT120532	Thực tế chuyên môn	2	0	0	90 giờ	0	
68.	DT100017	Thực tập tốt nghiệp (10 tuần)	7	0	0	315 giờ	0	
<b>9.2.5</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế</b>		<b>7</b>					
<b>9.2.5.1</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>7</b>					
<b>9.2.5.2</b>	<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>7</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>120</b>	
	<b>- Bắt buộc:</b>		<b>4</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	
69.	KT120202	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	15	15	0	30	
70.	KT120322	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	15	15	0	30	
	<b>- Tự chọn: chọn 1 trong 2 hướng</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	
	<b>* Hướng 1: chọn 3/6 tín chỉ</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	
71.	KT120433	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	30	0	30	60	21
72.	KT120443	Quản trị doanh nghiệp	3	30	0	30	60	21
	<b>* Hướng 2: chọn 3/6 tín chỉ</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	
73.	KT120563	Lập, thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư du lịch	3	30	0	30	60	
74.	KT120573	Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	30	0	30	60	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>125</b>	<b>1155</b>	<b>315</b>	<b>40+405</b>	<b>1890</b>	

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

**Bảng 9.2: Mô tả liên hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

*I (Introduced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức giới thiệu/bắt đầu.*

*R (Reinforced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội thực hành, thí nghiệm, thực tế ....*

*M (Mastery) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức thuần thục.*

*A (Assessed) – HP quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO)*

Học phần	Chuẩn đầu ra PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
HP1	R														M
HP2	R														M
HP3	R														M
HP4	R														M
HP5	R														M
HP6		R													M
HP7	R	I				R	R	R							
HP8		R										R		M	M



HP9			R	R			R		R						R
HP10		I	R				R					R			R
HP11		I	M			R			R	R		R			R
HP17				R	R	R	R	R	R	R		R	R	R	R
HP18		I	M	I	I	I	I	I	I	I		I	I	I	I
HP19			R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R		
HP20		R						R							R
HP21		I		M	R	R	R		R	R		R	R		R
HP22		I	R				R					R			R
HP23		I	R	R			R					R			R
HP24		R	R	R	R	R	R	R	R	R		R	R	R	R
HP25		I	I	I	I	I	I	I	I	I		I	I	I	I
HP26		I	I	A	I	I	I	I	I	I		I	I	I	I
HP27				R	R	R	R	R	R						R
HP28			R			M								R	
HP29					R	R	R			M		M	M	M	M
HP30		I		M	R	R	R	R	R	R		R	R		R
HP31							R		R			R			R
HP32				R	R	M	R		R						M
HP33					R			R							
HP34			R	R	R								R		R
HP35				R					M						
HP36				I	R	R	R		R	R					R
HP37			R	R		R	R		I						R
HP38			R	R						R		R	R	R	R
HP39			I		I	I	I		R			R			
HP40				R	R	R	R		R	R		R	R		
HP41		R	R	R			R		R	R		R			R
HP42		I	I	M	I	I	I	I	I	I		I	I	I	I
HP43		R	R	R	R							R			R
HP44		R	R	R			R		R			R			R

HP45		R	M	M	M	R	R	R	R	R		R	R	R	R
HP46		R		M			M	R		R		R		R	R
HP47					R	R	R			M		M	M	M	M
HP48		I		M	R	R	R	R	R	R		R	R		R
HP49		R	R	R	R	R	R	R	R	R		R	R	R	R
HP50		R		M			M	R		R		R			
HP51		I	I	M	I	I	I	I	I	I		I	I	I	I
HP52				R	R	R	R	R	R	R		R	R	R	R
HP53		R							R						M
HP54		I	I	M	I	I	I	I	I	I		I	I	I	I
HP55		R	M	M	M	R	R	R	R	R		R	R	R	R
HP56			R	R	R	R	R		R	I		R	R		R
HP57				M	M	R	M	R	R	R		R	R	R	R
HP58		M		A		M						M	A	M	A
HP59		I	M	I	I	I	I	I	I	I		I	I	I	I
HP60				R	R	R	R		R	R		R	R		R
HP61			M	I	I	R	M	I		R		I	I	R	
HP62			M	R	M	R	M			R		R	R	M	
HP63			R	R	R	R	R		R			R	M		R
HP64									R						M
HP65	R	R		R	R	R			R	R	R	R	R	R	
HP66		R	R	M	M	R	R	R	R	R		R	R	R	R
HP67		R	M	M	M	M	M	M	M	R		M	M	M	M
HP68		R	M	M	M	M	M	M	M	R		M	M	M	M
HP69			M	M	M	M	M		M			M			M
HP70		R	R	R	R	R	R	R	R	R		R	R	R	R
HP71		M	M	M	R	R			R			R	R		R
HP72					R	R	R			M		M	M	M	M
HP73				R	R	I	R	R				I			
HP74				R	R	I		R				I			
HP75				R		I	R		R			I			

**10. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)****10.1. Học kỳ I: 17 TC (bắt buộc)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC111013	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	0	0	
2	TC120011	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
3	TN117013	Toán cơ sở cho kinh tế	3	30	15	0	60	
4	KT120103	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	60	
5	KT120113	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	0	60	
6	KT120033	Nguyên lý kế toán	3	30	15	0	0	
7	KT120272	Kỹ năng giao tiếp	2	15	15	0	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>17</b>	<b>180</b>	<b>75</b>	<b>0</b>	<b>180</b>	

**10.2. Học kỳ II: 16 TC (bắt buộc: 10 TC, tự chọn: 06 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
<b>-Bắt buộc:</b>			<b>10</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	
1	LC112112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0	0	
2	TC121011	Giáo dục Thể chất 2 (Điện kinh)	1	0	0	30	0	
3	KT120043	Marketing căn bản	3	30	15	0	0	
4	KT120123	Quản trị học	3	30	15	0	60	
5	KT120282	Kỹ năng thiết lập mục tiêu	2	15	15	0	0	
<b>-Tự chọn:</b>			<b>6</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	
<b>* Hướng 1:</b>								
6	KT120053	Tài chính tiền tệ	3	30	15	0	60	
7	KT120063	Kinh tế phát triển	3	30	15	0	60	
<b>* Hướng 2:</b>								
8	XH120663	Địa lý du lịch Việt Nam	3	30	15	0	60	
9	KT120073	Kinh tế du lịch	3	30	15	0	60	
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>150</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>180</b>	

**10.3. Học kỳ III: 16 TC (bắt buộc: 10 TC, tự chọn: 06 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
<b>-Bắt buộc:</b>			<b>10</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
1	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	
2	LC130012	Pháp luật đại cương	2	15	15	0	0	
3	TC122001	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	
4	KT120133	Quản trị nguồn nhân lực	3	30	0	30	0	
5	KT120143	Quản trị Marketing	3	30	0	30	0	
<b>-Tự chọn:</b>			<b>6</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>120</b>	
6	KT120213	Quản trị rủi ro	3	30	0	30	60	Chọn 6/12TC
7	KT120223	Hành vi tổ chức	3	30	0	30	60	
8	KT120183	Quản trị thương hiệu	3	30	0	30	60	
9	KT120193	Kinh tế quốc tế	3	30	0	30	60	
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>135</b>	<b>15</b>	<b>90</b>	<b>120</b>	

**10.4. Học kỳ IV: 15TC (bắt buộc: 09 TC, tự chọn: 06 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
<b>-Bắt buộc</b>			<b>9</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	
1	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	
2	NG116063	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	30	15	0	0	
3	TC123001	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	
4	TC140008	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
5	KT120612	Khởi nghiệp	2	15	15	0	30	
6	KT120312	Kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc hiệu quả	2	15	15	0	0	
<b>-Tự chọn</b>			<b>6</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>60</b>	
7	KT120233	Hành vi người tiêu dùng	3	30	0	30	60	Chọn

8	KT120243	Nghiên cứu thị trường	3	30	0	30	60	6/12TC
9	KT120253	Đạo đức kinh doanh	3	30	0	30	60	
10	KT120263	Kế toán quản trị	3	30	0	30	60	
<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>	<b>120</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	<b>90</b>	

**10.5. Học kỳ V: 16TC (bắt buộc: 10 TC, tự chọn: 06 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
<b>-Bắt buộc</b>			<b>10</b>	<b>105</b>	<b>15</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	
1	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
2	KT120022	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	15	15	0	30	
3	KT120153	Quản trị tài chính	3	30	0	30	0	
4	KT120163	Quản trị chiến lược	3	30	0	30	0	
<b>-Tự chọn:</b>			<b>6</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>120</b>	
<b>*Chuyên ngành 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp</b>								
<i>-Bắt buộc:</i>			3	30	0	30	60	
5	KT120363	Lập kế hoạch kinh doanh	3	30	0	30	60	
<i>-Tự chọn:</i>			3	30	0	30	60	
6	KT120353	Quản trị quan hệ khách hàng	3	30	0	30	60	Chọn 3/6 TC
7	KT120383	Thương mại điện tử	3	30	0	30	60	
<b>* Chuyên ngành 2: Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành</b>								
<i>-Bắt buộc:</i>			3	30	0	30	60	
8	KT120473	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	30	0	30	60	
<i>-Tự chọn:</i>			3	30	0	30	60	
9	KT120493	Marketing du lịch	3	30	0	30	60	Chọn 3/6 TC
10	KT120503	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	30	0	30	60	
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>165</b>	<b>15</b>	<b>120</b>	<b>150</b>	

**10.6. Học kỳ VI: 16TC (bắt buộc: 09 TC, tự chọn: 07 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
	<b>-Bắt buộc:</b>		<b>7</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>30 +90 giờ</b>	<b>90</b>	
1	KT120393	Quản trị chất lượng	3	30	0	30	60	
2	KT120292	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	15	15	0	30	
3	KT120532	Thực tế chuyên môn	2	0	0	90 giờ	0	
	<b>-Tự chọn:</b>		<b>9</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>180</b>	
<b>*Chuyên ngành 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp</b>								
	<b>-Bắt buộc:</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	
4	KT120373	Quản trị dự án	3	30	0	30	60	
5	KT120333	Quản trị sản xuất	3	30	0	30	60	
	<b>-Tự chọn:</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	
6	KT120173	Quản trị bán hàng	3	30	0	30	60	Chọn 3/6 TC
7	KT120403	Quản trị sự thay đổi	3	30	0	30	60	
<b>* Chuyên ngành 2: Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành</b>								
	<b>-Bắt buộc:</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	
8	KT120463	Quản trị khu nghỉ dưỡng	3	30	0	30	60	
9	KT120513	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	30	0	30	60	
	<b>-Tự chọn:</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	
10	XH147113	Tuyến điểm du lịch việt nam	3	30	0	30	60	Chọn 3/6 TC
11	KT120503	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	30	0	30	60	
<b>Tổng cộng</b>			<b>16</b>	<b>135</b>	<b>15</b>	<b>120+ 90 giờ</b>	<b>270</b>	

**10.7. Học kỳ VII: 15TC (bắt buộc: 06 TC, tự chọn: 09 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
	<b>-Bắt buộc:</b>		<b>6</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	
1	KT120083	Phương pháp nghiên cứu định lượng trong quản trị	2	15	15	0	30	

2	KT120302	Kỹ năng tổ chức sự kiện	2	15	15	0	30	
3	KT120542	Kỹ năng ứng tuyển và trả lời phỏng vấn	2	15	15	0	30	
<b>-Tự chọn:</b>			<b>9</b>	<b>90</b>	<b>15</b>	<b>60</b>	<b>180</b>	
<b>*Chuyên ngành 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp</b>								
<b>-Bắt buộc:</b>			<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	
4	KT120343	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	0	30	60	
<b>-Tự chọn:</b>			<b>6</b>	<b>60</b>	<b>15</b>	<b>30</b>	<b>120</b>	
5	KT120423	Kế toán doanh nghiệp	3	30	0	30	60	Chọn 6/9 TC
6	LC130113	Luật kinh tế	3	30	15	0	60	
7	KT120413	Văn hóa doanh nghiệp	3	30	0	30	60	
<b>* Chuyên ngành 2: Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành</b>								
<b>-Bắt buộc:</b>			<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	
8	XH147513	Thiết kế và điều hành tour	3	30	0	30	0	
<b>-Tự chọn:</b>			<b>6</b>	<b>60</b>	<b>15</b>	<b>30</b>	<b>120</b>	
9	KT120523	Quản lý điểm đến du lịch	3	30	0	30	60	Chọn 6/9 TC
10	LC130143	Luật du lịch	3	30	15	0	60	
11	KT120553	Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch	3	30	0	30	60	
<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>	<b>135</b>	<b>60</b>	<b>60</b>	<b>270</b>	

**10.8. Học kỳ VIII: 14TC (bắt buộc: 07 TC, tự chọn: 07 TC)**

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	DT100017	Thực tập tốt nghiệp (10 tuần)	7	0	0	315 giờ	0	
2	<b>Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		7					
2.1	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		7					
2.2	<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		7	60	30	30	150	
<b>-Bắt buộc:</b>			<b>4</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	
3	KT120202	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	15	15	0	60	
4	KT120322	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	15	15	0	30	

	<b>-Tự chọn:</b>		<b>3</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	
	<i>* Tự chọn hướng 1:</i>							
5	KT120433	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	30	0	30	60	Chọn 3/6 TC
6	KT120443	Quản trị doanh nghiệp	3	30	0	30	60	
	<i>* Tự chọn hướng 2:</i>							
7	KT120563	Lập, thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư du lịch	3	30	0	30	60	Chọn 3/6 TC
8	KT120573	Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	30	0	30	60	
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>60+315 giờ</b>	<b>150</b>	

## **11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần**

### **11.1. Triết học Mác-Lênin**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Khái quát về triết học. Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần lý luận chính trị tiếp theo (Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

### **11.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, có quan hệ mật thiết với triết học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin giữ vị trí là môn khoa học cơ bản, làm cơ sở cho việc xác định đường lối, chính sách kinh tế của nhà nước; làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn khoa học kinh tế ngành và quản lý kinh tế.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp hệ thống tri thức lý luận về sự vận động của các quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi; về sự liên hệ tác động biện chứng giữa các quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi với LLSX và kiến trúc thượng tầng tương ứng trong những nấc thang phát triển khác nhau của nền sản xuất xã hội. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### **11.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin.

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần này



làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

#### **11.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Góp phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

#### **11.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.

#### **11.6. Pháp luật đại cương**

**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lê nin

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong hệ thống các môn khoa học về lý luận chính trị và pháp luật. Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật; các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành.

#### **11.7. Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh**

**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp khối lượng từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ bao quát về chuyên ngành quản trị kinh doanh. Các chủ đề chính của học phần gắn với những lĩnh vực quan trọng trong việc quản lý, sản xuất, tiếp thị, tài chính và kinh tế vĩ mô. Sinh viên được trang bị kiến thức, ngôn ngữ, và các kỹ năng để hiểu và diễn đạt những khái niệm then chốt của kinh doanh và kinh tế học. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng đa dạng ngôn ngữ trong nhiều tình huống liên quan đến các nội dung trên nhằm phục vụ và đáp ứng yêu cầu của chuyên ngành quản trị kinh doanh; những người sẽ bước vào thế giới của công việc kinh doanh và thương mại.

**11.8. Toán cơ sở cho kinh tế****3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung bao gồm 2 phần. Phần đầu trang bị các kiến thức nhập môn về đại số tuyến tính và một số ứng dụng của đại số tuyến tính trong kinh tế. Phần 2 trang bị các kiến thức cơ bản của giải tích toán học và một số ứng dụng trong kinh tế. Trong cả hai phần ta quan tâm tới các ứng dụng của toán trong các tình huống thực tiễn.

**11.9. Khởi nghiệp****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường. Ngoài ra, học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.

**11.10. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh****2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cần thiết để cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định, nhờ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả của các quyết định trong kinh doanh cũng như ban hành chính sách. Để thực hiện các báo cáo trong công tác quản lý hàng ngày, các báo cáo tổng kết chương trình, dự án... một cách chuyên nghiệp, không thể thiếu năng lực nghiên cứu. Đối với sinh viên thì các kiến thức và kỹ năng nghiên cứu rất hữu ích để học tập các môn học khác. Quan trọng hơn, nó là công cụ cần thiết giúp sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp, một tiêu chuẩn quan trọng của việc hoàn tất chương trình đào tạo ở bậc đại học.

**11.11. Phương pháp nghiên cứu định lượng trong quản trị****2TC**

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh

Học phần Phương pháp định lượng trong quản trị trình bày nội dung cơ bản của công cụ định lượng để ứng dụng trong nghiên cứu về quản lý kinh tế và quản trị. Học phần được giảng dạy với các minh họa ứng dụng thực tiễn và được thực hành trên máy tính với phần mềm.

**11.12. Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)****1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhảy dây ngắn và một số bài tập hỗ trợ kỹ thuật chạy, nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tố chất thể lực. Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, lợi ích, tác dụng, của việc tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

**11.13. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh)****1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu uốn thân; hiểu biết một số điều luật thi đấu môn nhảy xa và đẩy tạ. Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, lợi ích, tác dụng, của việc tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

- 11.14. Giáo dục thể chất 3 (chọn 1 trong 5 học phần)** **1TC**
- a. Cầu lông 1** **1TC**  
 Điều kiện tiên quyết: Thẻ dục, Điền kinh.  
 Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.
- b. Bóng chuyền 1** **1TC**  
 Điều kiện tiên quyết: Thẻ dục, Điền kinh.  
 Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyền; phổ biến một số điều luật cơ bản.
- c. Bóng đá 1** **1TC**  
 Điều kiện tiên quyết: Thẻ dục, Điền kinh.  
 Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- d. Bóng bàn 1** **1TC**  
 Điều kiện tiên quyết: Thẻ dục, Điền kinh.  
 Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.
- e. Võ Cổ truyền 1** **1TC**  
 Điều kiện tiên quyết: Thẻ dục, Điền kinh.  
 Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tố chất thể lực cho cơ thể.
- 11.15. Giáo dục thể chất 4 (chọn 1 trong 5 học phần)** **1TC**
- a. Cầu lông 2** **1TC**  
 Điều kiện tiên quyết: Thẻ dục, Điền kinh, Cầu lông 1.  
 Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn cầu lông; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.
- b. Bóng chuyền 2** **1TC**  
 Điều kiện tiên quyết: Thẻ dục, Điền kinh, Bóng chuyền 1.  
 Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng chuyền; phổ biến luật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- c. Bóng đá 2** **1TC**  
 Điều kiện tiên quyết: Thẻ dục, Điền kinh, Bóng đá 1.  
 Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật bóng đá 7 người.
- d. Bóng bàn 2** **1TC**  
 Điều kiện tiên quyết: Thẻ dục, Điền kinh, Bóng bàn 1.  
 Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng bàn; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật đánh đôi.
- e. Võ Cổ truyền 2** **1TC**  
 Điều kiện tiên quyết: Thẻ dục, Điền kinh, Võ Cổ truyền 1.  
 Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn võ cổ truyền; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

**11.16. Giáo dục Quốc phòng –An ninh****8TC**

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường TCSP, CĐSP và cơ sở giáo dục đại học.

**11.17. Kinh tế vi mô****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các khái niệm và công cụ cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô, cơ chế vận hành trong nền kinh tế thị trường; các mô hình ra quyết định của các tác nhân riêng lẻ trong nền kinh tế như người tiêu dùng và nhà sản xuất và sự tương tác giữa các tác nhân này trong thị trường. Ngoài ra học phần giúp sinh viên nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các nguyên lý kinh tế, có thái độ tích cực trong việc ứng dụng kiến thức của học phần vào thực tiễn.

**11.18. Kinh tế vĩ mô****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này nghiên cứu nền kinh tế trên bình diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền tệ, lãi suất, cán cân thương mại, cán cân thanh toán và tỷ giá... Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp sinh viên giải thích các mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, sẽ nghiên cứu những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.

**11.19. Nguyên lý kế toán****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán: khái niệm, định nghĩa, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những kiến thức nền tảng kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán quản trị, kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

**11.20. Marketing căn bản****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức, kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing, sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh, các khái niệm về thị trường, phân khúc thị trường, cách xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Đồng thời, người học có thể hiểu rõ và vận dụng các lý thuyết đã học vào bối cảnh thực tế.

**11.21. Quản trị học****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị như: khái niệm quản trị, nhà quản trị và công việc quản trị; sự phát triển của các lý thuyết quản trị; môi trường hoạt động của tổ chức và ra quyết định trong quản trị. Học phần đồng thời cung cấp về bốn chức năng của quản trị như chức năng hoạch định; chức năng tổ chức; chức năng điều khiển; chức năng kiểm soát.

**11.22. Tài chính tiền tệ****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần đề cập đến quá trình ra đời, phát triển, lưu thông của tiền tệ trong nền kinh tế gắn với các biến số kinh tế như lãi suất, lạm phát và hoạt động của các ngân hàng trung gian và hoạt động của ngân hàng trung ương với các chức năng và chính sách tiền tệ nhằm mục đích ổn định kinh tế vĩ mô nền kinh tế.

**11.23. Kinh tế phát triển****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Học phần sẽ giới thiệu cho người học các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế để thảo luận về những thay đổi về mặt kinh tế xã hội ở các nước. Các hệ quả của các mô hình phát triển sẽ được phân tích, so sánh rồi từ đó có thể rút ra các mặt tích cực cũng như các đe dọa phát sinh từ quá trình phát triển cho các nước đang phát triển, đặc biệt là Việt Nam.

**11.24. Địa lý du lịch Việt Nam****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần làm rõ cơ sở lý luận về địa lý du lịch: nhập môn địa lý du lịch; nhu cầu du lịch; tài nguyên du lịch; tổ chức không gian du lịch; chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch và thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam: tài nguyên du lịch; sự phát triển du lịch Việt Nam nói chung, các vùng du lịch nói riêng.

**11.25. Kinh tế du lịch****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về du lịch như các khái niệm về kinh tế du lịch, lịch sử hình thành và phát triển của du lịch, những điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động đi du lịch của con người cũng như các hoạt động kinh doanh của con người, các điều kiện để phát triển du lịch, thời vụ du lịch và các nhân tố như cơ sở vật chất kỹ thuật, con người, đánh giá hiệu quả kinh tế của 1 doanh nghiệp du lịch

**11.26. Quản trị nguồn nhân lực****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần cung cấp những kiến cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân lực, hoạch định, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề liên quan.

**11.27. Quản trị Marketing****3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên sâu và hiện đại về lĩnh vực marketing bao gồm các nội dung cơ bản như phân tích môi trường kinh doanh và doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, phân tích thị trường và lựa chọn phân khúc thị trường phù hợp với mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp, xác định chiến lược Marketing, chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến. Đồng thời, học phần còn cung cấp các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để người học có thể thực thi các chiến lược marketing trong môi trường cạnh tranh và bối cảnh hội nhập toàn cầu.

**11.28. Quản trị tài chính****3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản và thực hành các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính như: Phân tích nhu cầu về vốn, xác định cơ cấu vốn, dự toán nhu cầu vốn bằng tiền mặt, xác định giá trị của chuỗi tiền tệ trong tương lai,

ứng dụng của hiện giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính, phân tích rủi ro tài chính. Hướng dẫn sinh viên thực hành thông qua các bài tập thực hành đa dạng; Giúp nhận dạng và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập.

### **11.29. Quản trị chiến lược**

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức, khái niệm liên quan đến quản trị chiến lược ở một doanh nghiệp trong bối cảnh có sự tác động phức tạp của các yếu tố môi trường kinh doanh, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh thời đại 4.0. Mặc dù đối tượng được tiếp cận chủ yếu trong học phần này là các doanh nghiệp kinh doanh, song những vấn đề lý thuyết này vẫn phù hợp cho các tổ chức trong khu vực công. Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

### **11.30. Quản trị chất lượng**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và các kỹ năng làm việc trong hoạt động quản trị chất lượng trong các tổ chức, bao gồm: Nắm vững những lý thuyết, nguyên tắc, công cụ của chuyên ngành nhằm phát triển tổ chức thành công lâu dài; Biết triển khai tổ chức các phương thức quản trị chất lượng và thực hiện các công cụ phù hợp nhằm không ngừng kiểm soát đảm bảo và cải tiến chất lượng trong từng bối cảnh mới.

### **11.31. Kỹ năng giao tiếp**

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp và thuyết trình. Kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên nội dung, hình thức, phân loại giao tiếp, những nguyên nhân giao tiếp không hiệu quả, các phong cách và nghi thức giao tiếp trong kinh doanh. Sau đó tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết, lắng nghe và hỏi đáp trong kinh doanh. Kỹ năng thuyết trình giới thiệu cho sinh viên các nội dung cơ bản của thuyết trình như cách thức chuẩn bị, cấu trúc, ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, công cụ trực quan của bài thuyết trình. Đặc biệt trang bị cho sinh viên kỹ năng xử lý câu hỏi và điều khiển tâm lý đám đông trong thuyết trình.

### **11.32. Kỹ năng thiết lập mục tiêu**

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này nằm trong chuỗi môn học kỹ năng làm việc hiệu quả. Kỹ năng thiết lập mục tiêu nhằm hướng đến trang bị cho người học xác định những dự định của bản thân mình bằng cách vận dụng kỹ năng để xây dựng nên các mục tiêu, kế hoạch cụ thể và cách thức thực hiện các mục tiêu đó đạt hiệu quả.

### **11.33. Kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc hiệu quả**

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp sinh viên trình bày được các nguyên nhân gây lãng phí thời gian và các nguyên tắc quản lý thời gian, đồng thời lập mục tiêu và kế hoạch để quản lý thời gian và công việc hiệu quả.

### **11.34. Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng**

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về đàm phán và soạn thảo hợp đồng kinh doanh như: Những nguyên lý cơ bản của đàm phán kinh doanh; phương thức chiến lược trong đàm phán; văn hóa trong đàm phán kinh doanh; các bước chuẩn bị trước và trong khi tiến hành quá trình đàm phán; các chiến thuật áp dụng và những sai lầm thường gặp trong quá trình đàm phán; cách giành lợi thế trong đàm

phán, rút kinh nghiệm và cải thiện khả năng đàm phán; những yếu tố tác động đến quá trình đàm phán; quá trình ra quyết định trong đàm phán; kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh doanh.

### **11.35. Kỹ năng tổ chức sự kiện**

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này giúp người học hiểu rõ khái niệm, nhận dạng được môn tổ chức sự kiện, nội dung tổ chức sự kiện, Qua đó nhận thức được ý nghĩa xã hội của hoạt động tổ chức sự kiện. Cung cấp cho người học khả năng hoạch định như nắm được các phương pháp cơ bản trong dự toán ngân sách, sáng tạo kịch bản, xây dựng kế hoạch của quá trình hoạt động sự kiện từ công việc chuẩn bị tới các hoạt động sự kiện, tính toán thời gian cho sự kiện. Khả năng tổ chức – quản trị trong hoạt động chuẩn bị và thực hiện sự kiện.

### **11.36. Kỹ năng ứng tuyển và trả lời phỏng vấn**

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng quan trọng trong cuộc sống, học tập và làm việc. Trong học phần Kỹ năng ứng tuyển và trả lời phỏng vấn, sinh viên sẽ được chia sẻ những điều cần lưu ý trong quá trình tìm kiếm việc làm, ứng tuyển bằng hồ sơ xin việc (CV), chuẩn bị đi phỏng vấn, cách thức gây ấn tượng trong quá trình phỏng vấn với nhà tuyển dụng và những việc cần phải làm sau khi phỏng vấn.

### **11.37. Quản trị rủi ro**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản nhất liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro như các nguyên tắc trong quản trị rủi ro, đặc biệt là các bước trong quy trình quản trị rủi ro từ nhận dạng, đo lường, kiểm soát đến tài trợ rủi ro. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tỷ giá, rủi ro trong đầu tư,... cũng được giới thiệu trong môn học để người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro đối với những đối tượng này.

### **11.38. Hành vi tổ chức**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này giúp phát triển khả năng của người học trong việc sử dụng kiến thức của hành vi tổ chức để giải thích, dự đoán và kiểm soát các hành vi của người lao động trong tổ chức nhằm mục đích tối đa hóa sự phù hợp giữa cá nhân và tổ chức. Hành vi tổ chức là môn khoa học ứng dụng, nghiên cứu cơ sở của hành vi của người lao động trong tổ chức ở ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức.

### **11.39. Quản trị thương hiệu**

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu, bao gồm: Khái niệm về thương hiệu và vai trò, tài sản thương hiệu, tài sản thương hiệu định hướng khách hàng, cách thức xây dựng thương hiệu mạnh và tiến trình quản trị thương hiệu chiến lược. Ba cách thức chính để xây dựng tài sản thương hiệu: lựa chọn các yếu tố thương hiệu, thiết kế các chương trình marketing hỗ trợ, và xây tài sản thương hiệu bằng kiến thức thương hiệu thứ cấp. Các phương pháp khác nhau đo lường tài sản thương hiệu và cách thức thực hiện một hệ thống đo lường và quản trị tài sản thương hiệu. Các chiến lược găng thương hiệu cho một sản phẩm của công ty sở hữu nhiều sản phẩm, bằng việc sử dụng công cụ là ma trận thương hiệu – sản phẩm và cấu trúc thương hiệu. Phát triển sản phẩm mới thông qua chiến lược mở rộng thương hiệu. Các chiến lược duy trì và phát triển tài sản thương hiệu theo thời gian và theo khu vực địa lý.

**11.40. Kinh tế quốc tế****3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Học phần này nghiên cứu tác động lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia trên thế giới trong một nền kinh tế mở, và hội nhập; nghiên cứu sự di chuyển hàng hóa, dịch vụ và các giao dịch tài chính – tiền tệ giữa các quốc gia; nghiên cứu những chính sách điều chỉnh dòng di chuyển đó. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng để phân tích và đánh giá các vấn đề của nền kinh tế hiện đại trong các mối quan hệ kinh tế quốc tế ngày càng đa dạng, phức tạp để từ đó nâng cao năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn, biết cách tổ chức và quản lý các hoạt động kinh tế quốc tế của một quốc gia đạt được hiệu quả cao.

**11.41. Hành vi người tiêu dùng****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này tập trung vào giới thiệu các lý thuyết khoa học về hành vi người tiêu dùng và vai trò của nghiên cứu hành vi người tiêu dùng trong marketing, nghiên cứu những nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng trong quá trình mua sắm và sử dụng sản phẩm. Trên cơ sở đó thảo luận việc ứng dụng những hiểu biết hành vi người tiêu dùng vào quá trình ra quyết định về các chính sách và công cụ marketing trong thực tiễn.

**11.42. Nghiên cứu thị trường****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các lý thuyết cơ bản và cách thức thực hành nghiên cứu Marketing; từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thu thập dữ liệu để chuẩn bị cho việc xử lý phân tích dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu.

**11.43. Đạo đức kinh doanh****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về đạo đức và đạo đức kinh doanh, các khái niệm liên quan đến đạo đức kinh doanh, các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Đồng thời, học phần còn cung cấp các phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh, cũng như một số tình huống điển hình về đạo đức kinh doanh.

**11.44. Kế toán quản trị****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần này trình bày kiến thức tổng quan về kế toán quản trị, giúp nhà quản trị ra quyết định tốt phục vụ cho quản lý như phân loại chi phí; phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán hoạt động và ngân sách hàng năm; đánh giá trách nhiệm của các trung tâm trách nhiệm; lựa chọn các phương án kinh doanh; xác định giá bán của sản phẩm mới; xác định giá trị của các dịch vụ.. Môn học đặt trọng tâm vào các kỹ thuật lập các báo cáo kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh. Một môi trường học theo nhóm được khuyến khích trong quá trình nghiên cứu môn học.

**11.45. Lập kế hoạch kinh doanh****2TC**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp cho sinh viên đại học thuộc ngành quản trị kinh doanh. Sinh viên được cung cấp những kiến thức cần thiết để có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh. Kế hoạch bao gồm từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh



cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội kinh doanh hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp sinh viên nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

#### **11.46. Quản trị dự án**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về dự án và quản trị dự án; các kiến thức liên quan đến việc lựa chọn dự án; cách tổ chức thực hiện dự án; phương pháp lập kế hoạch và xác định ngân sách dự án; cách lập tiến độ thực hiện dự án; phân bổ nguồn lực để thực hiện dự án; phương pháp kiểm soát dự án; các vấn đề liên quan đến hợp đồng và rủi ro trong quá trình thực hiện dự án; và quyết định kết thúc dự án.

#### **11.47. Quản trị sản xuất**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần đề cập đến các nội dung phân tích điều kiện môi trường và nguồn lực của doanh nghiệp để dự kiến các phương án dự báo nhu cầu sản phẩm, quản trị công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng sản xuất trong doanh nghiệp, hoạch định tổng hợp, điều độ sản xuất, quản trị nguyên vật liệu, quản trị hàng dự trữ nhằm lựa chọn các phương án tối ưu nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả.

#### **11.48. Quản trị chuỗi cung ứng**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Học phần giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu.

#### **11.49. Quản trị quan hệ khách hàng**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị thông tin khách hàng và mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp các kiến thức về các hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng, quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và các công việc tác nghiệp cụ thể khác như quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản trị.

#### **11.50. Thương mại điện tử**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử., cơ sở hạ tầng thương mại điện tử: Internet và World wide web, bán hàng trên web, công nghệ thương mại điện tử: phần mềm và phần cứng web server; Các phần mềm thương mại điện tử; An toàn thương mại điện tử; hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử, hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh; các chiến lược phát triển website thương mại điện tử; quản lý thực hiện dự án thương mại điện.

**11.51. Quản trị bán hàng****3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần giúp sinh viên tiếp cận các vấn đề chuyên môn của lĩnh vực bán hàng của doanh nghiệp. Nội dung học phần giúp sinh viên nhận thức về vị trí, vai trò của người quản trị bán hàng và nhân viên bán hàng trong doanh nghiệp, hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng cần thiết đối với người quản trị bán hàng, cuối cùng là nhận thức được tương lai phát triển của quản trị bán hàng.

**11.52. Quản trị sự thay đổi****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần này cung cấp những lý thuyết về sự thay đổi trong tổ chức giúp sinh viên có cách nhìn cân đối về sự thay đổi trong tổ chức. Học phần đề cập đến những vấn đề có tính cấp thiết của sự thay đổi, lợi ích của sự thay đổi đối với tổ chức và tác động của nó đến các cá nhân trong tổ chức và lý do các tổ chức lại tham gia vào các chương trình thay đổi.

**11.53. Kế toán doanh nghiệp****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán.

Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán doanh nghiệp như: Sự vận động của các loại tài sản, vật tư, tiền vốn trong doanh nghiệp. Thông qua hệ thống tài khoản và phương pháp ghi chép vào các tài khoản tương ứng, kế toán phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các hoạt động kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp gồm: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu; kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản trích nộp theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành; Kế toán thành phẩm và tiêu thụ; Kế toán mua hàng, bán hàng; Kế toán các nguồn vốn; Lập báo cáo tài chính.

**11.54. Luật kinh tế****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Học phần đề cập đến một số kiến thức pháp lý cơ bản về những quy định của pháp luật nói chung và luật kinh tế nói riêng cụ thể như: địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; pháp luật về phá sản; pháp luật về hợp đồng; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại...Sau khi học xong học phần, sinh viên biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được trang bị để vận dụng vào việc đọc và hiểu văn bản pháp luật trong pháp luật kinh tế và có những kiến thức. pháp luật để vận dụng vào công việc thực tế.

**11.55. Văn hóa doanh nghiệp****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần văn hoá doanh nghiệp cung cấp các kiến thức tổng quan về văn hoá và văn hoá doanh nghiệp, các dạng văn hoá doanh nghiệp, đặc biệt là lý thuyết đạo đức kinh doanh trong bối cảnh thực tế. Học phần còn cung cấp những lý luận cơ bản về văn hoá doanh nhân và hệ thống tiêu chuẩn đánh giá văn hoá doanh nhân nhằm giúp sinh viên đánh giá được những vấn đề về văn hoá trong các hoạt động kinh doanh.

**11.56. Quản trị kinh doanh lữ hành****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần cung cấp những kiến thức về lịch sử ra đời của ngành lữ hành; Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp lữ hành; Quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành với các nhà cung cấp sản phẩm; Tổ chức xây dựng và điều hành chương trình du lịch; Tổ chức xúc tiến thực hiện các chương trình du lịch; Quản lý chất lượng chương trình du lịch; Ứng dụng công nghệ

thông tin trong kinh doanh du lịch; Môi trường kinh doanh và chiến lược cạnh tranh trong doanh nghiệp lữ hành.

### **11.57. Quản trị khu nghỉ dưỡng**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần cung cấp các kiến thức về hoạt động quản lý và kinh doanh khu nghỉ dưỡng (Resort) như: Hoạch định đầu tư xây dựng Resort, Hoạch định các dịch vụ phục vụ, tổ chức các bộ phận đón tiếp, phục vụ ăn uống, nghỉ ngơi và vui chơi giải trí trong Resort.

### **11.58. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch**

3TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giới thiệu tổng quan về nghề hướng dẫn du lịch, hướng dẫn viên du lịch, hoạt động hướng dẫn du lịch tại điểm; quy trình hướng dẫn tour; chuẩn bị và hoàn thiện bài giới thiệu cho khách du lịch; kỹ năng và phương pháp thuyết trình; tổ chức loại hình du lịch chuyên đề và trải nghiệm; xử lý các vấn đề và tình huống trong tour; áp dụng các nguyên tắc du lịch có trách nhiệm. Sinh viên thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch trên các tuyến du lịch và tại các điểm du lịch ở địa phương để nắm vững những hoạt động tổ chức và thực hiện du lịch dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn.

### **11.59. Thiết kế và điều hành tour**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch, công tác tổ chức thực hiện và những công việc của một nhân viên điều hành tour.

### **11.60. Marketing du lịch**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

Marketing du lịch có vai trò liên kết giữa mong muốn của người tiêu dùng (du khách) trên thị trường mục tiêu với các nguồn lực bên trong tổ chức. Với lý do sinh viên đã học môn Marketing căn bản trước môn Marketing du lịch, học phần này sẽ không nhắc lại một số khái niệm căn bản về marketing. Học phần Marketing du lịch giúp sinh viên nắm vững lý thuyết marketing và ứng dụng vào bối cảnh du lịch cụ thể. Đồng thời, học phần củng cố những kiến thức cơ bản về marketing cho sinh viên và giới thiệu những ứng dụng marketing cụ thể trong ngành du lịch.

### **11.61. Quản trị kinh doanh khách sạn**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần quản trị kinh doanh khách sạn cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về quản trị và kinh doanh khách sạn. Sinh viên được cung cấp kiến thức tổng quan về kinh doanh khách sạn; về tổ chức bộ máy và quản trị nguồn nhân lực của khách sạn; cách thức tổ chức kinh doanh lưu trú và ăn uống của khách sạn. Đồng thời sinh viên được hệ thống lại những kiến thức về marketing và áp dụng trong lĩnh vực đặc thù là kinh doanh khách sạn. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị những kiến thức cần thiết về quản lý chất lượng dịch vụ của khách sạn.

### **11.62. Tuyển điểm du lịch Việt Nam**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điểm, tuyến du lịch tại Việt Nam. Học phần còn đề cập đến những điểm du lịch đặc trưng, điều kiện cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch trên các tuyến chính xuất phát từ trung tâm du lịch Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh nhằm giúp sinh viên nắm được những kiến thức thức tổng quan nhất về các điểm du lịch và tuyến du lịch đặc trưng nhằm vận dụng vào những

môn học kế tiếp của ngành học. Thực hành xây dựng tuyến chuyên đề; thực hành thuyết minh tuyến điểm.

### **11.63. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về Quản trị chất lượng dịch vụ đối với ngành công nghiệp Du lịch. Nội dung môn học giới thiệu các tổng quan về chất lượng dịch vụ du lịch, khái niệm và nguyên tắc trong quản lý chất lượng dịch vụ du lịch, các hệ thống quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch và các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch. Trong quá trình học cần quan sát thêm trong thực tế ngành du lịch để kết nối được các khái niệm trong lý thuyết vào thực tiễn hoạt động của ngành du lịch.

### **11.64. Quản lý điểm đến du lịch**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản lý điểm đến du lịch, quản lý tài nguyên du lịch, các vấn đề về quản lý khu du lịch, quản lý điểm du lịch, quản lý khả năng tiếp cận điểm đến du lịch, xúc tiến quảng bá điểm đến và xây dựng hình ảnh điểm đến du lịch.

### **11.65. Luật du lịch**

3TC

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Học phần đề cập đến một số kiến thức pháp lý cơ bản về những quy định của pháp luật nói chung và luật du lịch nói riêng cụ thể như: quy chế pháp lý về tài nguyên du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, về các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, hợp đồng liên quan đến du lịch và giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động du lịch. Sau khi học xong học phần, sinh viên biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được trang bị để vận dụng vào việc đọc và hiểu văn bản pháp luật trong pháp luật du lịch và có những kiến thức pháp luật để vận dụng vào công việc thực tế.

### **11.66. Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch**

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp cho sinh viên hiểu, nắm vững và vận dụng được kiến thức về thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch như: Khái niệm xuất cảnh, nhập cảnh; thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh; những vấn đề cơ bản trong du lịch; bảo hiểm du lịch nhằm phục vụ cho nghề nghiệp của người học chuyên ngành Việt Nam học.

### **11.67. Thực tế chuyên môn**

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên tham quan 5 doanh nghiệp trong nước, giúp sinh viên làm quen với một số mô hình kinh doanh và các hoạt động cơ bản của các doanh nghiệp, viết báo cáo thu hoạch.

### **11.68. Thực tập tốt nghiệp**

7 TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

Học phần là cơ sở đánh giá toàn diện, khách quan năng lực của sinh viên dưới hình thức báo cáo nghiên cứu khoa học. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp trong thời gian 10 tuần bao gồm các hoạt động thực tập nghề nghiệp tại các doanh nghiệp ở các mức độ chuyên sâu về chuyên môn trong môi trường doanh nghiệp. Phạm vi thực tập bao gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**11.69. Khóa luận tốt nghiệp****7 TC**

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy đủ số lượng các tín chỉ lý thuyết và thực hành theo yêu cầu đào tạo của ngành học và theo quy định của nhà trường.

Học phần là cơ sở đánh giá toàn diện, khách quan năng lực của sinh viên dưới hình thức báo cáo nghiên cứu khoa học. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên ngành, sinh viên có trách nhiệm vận dụng tư duy, kiến thức và kỹ năng của các học phần trong chương trình để hoàn thiện các hoạt động trong doanh nghiệp (cải tiến sản xuất hoặc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới) trong vai trò người chủ động nghiên cứu.

Học phần nhằm trang bị, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm, tổng hợp tài liệu, nghiên cứu để giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành Quản trị kinh doanh, viết báo cáo đề tài tốt nghiệp và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trước Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp của Khoa.

**11.70. Phân tích hoạt động kinh doanh****2TC**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần này giúp sinh viên thấy được thực chất của quá trình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng có của mình giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng sản phẩm, thấy được thành quả cũng như trách nhiệm của các bộ phận trong việc kiểm soát chi phí thông qua phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng cho thấy nguyên nhân làm lợi nhuận doanh nghiệp tăng, giảm theo xu hướng khách quan hoặc chủ quan. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính.

**11.71. Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định****2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chủ yếu như: quy trình và một số kỹ năng giải quyết vấn đề; thông tin cơ sở hỗ trợ quyết định quản trị; quy trình ra quyết định, các phương pháp và một số mô hình, kỹ thuật ra quyết định trong doanh nghiệp.

**11.72. Quản trị kinh doanh quốc tế****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về toàn cầu hóa và các loại hình kinh doanh quốc tế, tìm hiểu về môi trường kinh doanh quốc tế và những yếu tố tạo sự khác biệt giữa các quốc gia, giới thiệu các chiến lược kinh doanh quốc tế căn bản và các mô hình tổ chức tương ứng, những vấn đề các nhà quản trị kinh doanh quốc tế thường gặp khi điều hành các hoạt động chức năng.

**11.73. Quản trị doanh nghiệp****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quản lý, điều hành và nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay và trong giai đoạn tới. Học phần cũng góp phần giúp người học hình thành những kỹ năng cơ bản để trở thành một nhà quản trị doanh nghiệp năng động, có kỹ năng và tính chuyên nghiệp.

**11.74. Lập, thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư du lịch****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Lập, thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư cung cấp những kiến thức giúp người học thực hiện công tác lập và thẩm định dự án đầu tư được rút ra từ các phương án tài chính của nhiều dự án đầu tư, như: Kiến thức chung về lập thẩm định phương án tài chính dự án đầu tư, một số kinh nghiệm trong lập thẩm định phương án tài chính dự án đầu tư, phát triển vững chắc đầu tư, tổ chức huy động vốn và chi phí sử dụng vốn.

**11.75. Thanh toán quốc tế trong du lịch****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Thanh toán quốc tế trong du lịch là việc thanh toán các nghĩa vụ về tiền tệ phát sinh trong các mối quan hệ về thương mại, tài chính, và các quan hệ khác giữa các chủ thể khác nhau của các quốc gia khác nhau. Môn học thanh toán quốc tế trong du lịch giúp sinh viên tìm hiểu chuyên sâu về các lĩnh vực: tỉ giá hối đoái, thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế, tín dụng quốc tế.

## 12. Danh sách giảng viên thực hiện chương trình

### 12.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: Giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng xác định thời gian từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo (Theo mẫu 1, Phụ lục 3, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT).

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>Giảng viên cơ hữu</b>												
1.	Trần Lăng, 11/01/1968	054068008835 Việt Nam	GVC, 2006	TS, Việt Nam, 2015	Triết học	26/12/1990	X	3996006215	33			
2.	Đào Văn Phụng, 30/08/1978	040078012284 Việt Nam	GVC, 2020	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	1/10/2002	X	3903000537	21		2	
3.	Nguyễn Thị Trang 06/5/1974	211652843 Việt Nam	GV, 2001	Ths, Việt Nam, 2009	Sử- Chính trị	19/10/1998	X	3900000458	25		3	
4.	Trần Văn Tàu, 22/02/1975	054075007062 Việt Nam	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	1/9/1999	X	3900000457	24			
5.	Võ Thị Minh Duyên 14/10/1972	54172000217 Việt Nam	GVC, 2011	ThS, Việt Nam, 2006	Lịch sử Việt Nam	5/9/1994	X	3996005387	29		3	
6.	Nguyễn Thị Phương Vi, 11/10/1995	054195007476 Việt Nam	GV, 2022	Ths, Việt Nam, 2022	Luật Dân sự & Tố tụng Dân sự	14/4/2022	X	7422243919	1			
7.	Châu Văn Đôn, 25/4/1967	220962028 Việt Nam	GVC, 2009	TS, Việt Nam, 2020	LL&PPDH môn Tiếng Anh	25/10/1990	X	3996006201	33			
8.	Lê Đức Thoang, 19/6/1971	220837152 Việt Nam	GVCC, 2020	TS, Việt Nam, 2009	Toán học - Đại số và Lí thuyết số	20/9/1993	X	3996008499	30			
9.	Nguyễn Thành Huân, 29/9/1988	054088007150 Việt Nam	GV, 2015	Ths, Việt Nam, 2014	Kinh tế phát triển	16/3/2018	X	5415005601	6			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
10.	Nguyễn Huy Vũ, 2/3/1985	221102524 Việt Nam	GVC, 2020	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	13/10/2009	X	5408002193	14			
11.	Nguyễn Quốc Trâm, 12/10/1983	054083000820 Việt Nam	GVC, 2020	TS, Việt Nam, 2022	Giáo dục học	21/1/2011	X	5409004349	12		2	
12.	Phạm Minh Quang, 17/9/1989	221242747 Việt Nam	GV, 2015	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	16/3/2018	X	5414002739	6			
13.	Nguyễn Minh Cường, 20/1/1985	221094446 Việt Nam	GV, 2009	TS, Việt Nam, 2020	Giáo dục học	13/10/2009	X	5408002192	14			
14.	Lê Đức Hiếu, 14/11/1979	05679001413 Việt Nam	GV, 2002	Ths, Việt Nam, 2012	Giáo dục học	1/12/2001	X	3902003295	22			
15.	Đỗ Thị Phương Uyên, 10/9/1986	221174519 Việt Nam	GV, 2010	Ths, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	2/11/2009	X	5409004354	14			
16.	Lương Thị Mai Loan, 09/10/1987	054187005093 Việt Nam	GV, 2011	Ths, Việt Nam, 2017	Kế toán Kiểm toán	24/1/2011	X	5411002455	12			
17.	Nguyễn Thị Xuân Nhi, 08/07/1988	221204732 Việt Nam	GV, 2011	Ths, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	1/1/2011	X	5411002454	12		1	
18.	Võ Thị Tâm, 17/03/1985	221141226 Việt Nam	GV, 2008	TS, Việt Nam, 2021	Quản trị kinh doanh	15/5/2009	X	5408002190	14		1	
19.	Huỳnh Thị Huyền Trang, 30/09/1986	221178500 Việt Nam	GV, 2008	Ths, Việt Nam, 2016	Kế toán	1/11/2009	X	5409002036	14			
20.	Lương Tấn Thu, 28/02/1979	054079011957 Việt Nam	GV, 2009	Ths, Thụy Điển, 2011	Quản lý Công	10/1/2001	X	3901002315	22		8	
21.	Nguyễn Thị Nguyệt Thu, 14/08/1982	054182004215 Việt Nam	GV, 2011	Ths, Việt Nam, 2015	Kế toán	1/1/2011	X	3907003594	12			
22.	Đinh Thị Như Quỳnh, 23/09/1986	221161931 Việt Nam	GV, 2010	Ths, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	1/11/2009	X	5408002190	14		1	
23.	Võ Thị Thúy Hằng, 15/02/1982	221073330 Việt Nam	GV, 2008	Ths, Việt Nam, 2015	Kế toán	15/5/2009	X	3906001288	14		1	



Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
24.	Nguyễn Thị Hòa Bình, 29/9/1986	221172245 Việt Nam	GV, 2019	Ths, Việt Nam, 2017	Quản trị kinh doanh	4/8/2019	X	5412002424	5		1	
25.	Hoàng Tuấn Sinh, 02/09/1984	201828090 Việt Nam	GV, 2014	Ths, Việt Nam, 2013	Kế toán kiểm toán	1/12/2019	X	5408002190	5			
26.	Nguyễn Nữ Quỳnh Đoàn, 14/08/1987	221165794 Việt Nam	GV, 2013	Ths, Việt Nam, 2012	Kinh tế	16/3/2018	X	5413003502	6			
27.	Lê Văn Đáng, 4/4/1980	221434551 Việt Nam	GV, 2017	Ths, Việt Nam, 2017	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1/12/2012	X	5409002391	11			
28.	Tôn Nữ Cẩm Hương, 7/7/1989	221231588 Việt Nam	GV, 2019	Ths, Việt Nam, 2015	Tâm lý học	16/3/2018	X	5415003602	6			
29.	Đoàn Thị Như Hoa, 07/09/1980	51180013162 Việt Nam	GV, 2008	TS, Việt Nam, 2021	Địa lý học	14/4/2022	X	5409002353	14		1	
30.	Nguyễn Thị Ngan, 23/2/1980	221009610 Việt Nam	GVC, 2020	TS, Việt Nam, 2022	Địa lý tài nguyên và môi trường	5/9/2002	X	3902003296	21			
31.	Phan Thị Thanh Thúy, 20/06/1983	221073160 Việt Nam	GV, 2022	Ths, Việt Nam, 20118	GD & PT cộng đồng	2/4/2021	X	3907000116	2			
<b>Giảng viên thỉnh giảng</b>												
32.	Đoàn Thị Nhiệm, 10/2/1978	221161932 Việt Nam	GV, 2006	TS, Việt Nam, 2019	Kinh tế phát triển	1/4/2005	Hợp đồng thỉnh giảng	4706077716	14		1	
33.	Lê Mộng Huyền, 20/07/1987	215018684 Việt Nam	GV, 2011	TS, Việt Nam, 2021	Kế toán	1/9/2011	Hợp đồng thỉnh giảng	5212006531	11			
34.	Nguyễn Thị Thu Nhuận, 15/08/1987	221161935 Việt Nam	VC, 2015	Ths, Việt Nam, 2015	Kế toán	11/2/2010	Hợp đồng thỉnh giảng	5410001759	13	1	3	
35.	Nguyễn Văn Thụy, 03/04/1979	220133855 Việt Nam	TS, 2016	TS, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	1/3/2005	Hợp đồng thỉnh giảng	0203084584	19		2	
36.	Lê Thị Bách Thảo, 11/2/1986	046186003609 Việt Nam	GV - 2010	Ths, Việt Nam, 2013	Kinh Tế môi trường	10/1/2010	Hợp đồng thỉnh giảng	6410003280	12		1	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
37.	Lê Minh Toàn, 7/10/ 1989	5416003463 Việt Nam	VC	Ths, Việt Nam, 2013	Du lịch học	2/7/2018	Hợp đồng thỉnh giảng	4545409002389	6			
38.	Trần Thị Thúy Hằng, 15/8/1981	221171831 Việt Nam	GV, 2010	Ths, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	1/7/2009	Hợp đồng thỉnh giảng	4706077716	14		1	
39.	Võ Thị Xuân Hạnh, 06/02/1987	221149642 Việt Nam	GV, 2012	Ths, Đài Loan, 2012	Quản trị kinh doanh	2/5/2012	Hợp đồng thỉnh giảng	4797912230536	11		6	
40.	Huỳnh Văn Thái, 15/04/1984	054084003758 Việt Nam	GV, 2009	TS, Việt Nam, 2020	Quản trị kinh doanh	1/5/2008	Hợp đồng thỉnh giảng	4543907004862	15		1	
41.	Lê Đức Tâm, 30/01/1985	054084003758 Việt Nam	GV, 2010	Ths, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	1/8/2009	Hợp đồng thỉnh giảng	45409001806	13		3	
42.	Phan Văn Hiền, 22/02/1975	054084003758 Việt Nam	GV, 2002	Ths, Việt Nam, 2008	Luật Kinh tế	11/1/2002	Hợp đồng thỉnh giảng	3902001522	20		15	

### 12.2. Đội ngũ giảng viên thực hiện giảng dạy chương trình

Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo (Theo mẫu 2, phức lục 3, thông tư 02/2022/TT-BGDĐT).

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phụ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án	
				Bắt buộc		Tự chọn			
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
<b>I. Giảng viên cơ hữu</b>									
1.	TS. Trần Lăng Ths. Ngô Thị Kim Phượng	Triết học Mác- Lênin	Học kỳ 1, năm thứ 1	3					Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
2.	TS. Đào Văn Phượng Ths. Võ Thị Tem	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	Học kỳ 2, năm thứ 1	2				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy	
		Kinh tế phát triển	Học kỳ 2, năm thứ 1			3			

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
3.	Ths. Nguyễn Thị Trang TS. Đào Văn Phương	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
4.	TS. Trần Văn Tàu Ths. Võ Thị Minh Duyên	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 1, năm thứ 3	2				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
5.	Ths. Võ Thị Minh Duyên TS. Trần Văn Tàu	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kỳ 2, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
6.	Ths. Nguyễn Thị Phương Vi TS. Trần Văn Tàu	Pháp luật đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 2	2				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
		Luật du lịch	Học kỳ 1, năm thứ 4			3		
7.	TS. Châu Văn Đôn Ths. Hoàng Liên Hương	Tiếng Anh Chuyên ngành QTKD	Học kỳ 2, năm thứ 2	3				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
8.	TS. Lê Đức Thoang Ths. Phùng Xuân Lễ	Toán cơ sở cho kinh tế	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
9.	Ths. Nguyễn Thành Huân Ths. Đỗ Thị Phương Uyên	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	Học kỳ 2, năm thứ 4	2				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Phương pháp nghiên cứu định lượng trong quản trị	Học kỳ 2, năm thứ 4	2				
10.	Ths. Nguyễn Huy Vũ TS. Nguyễn Quốc Trâm	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục) Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 1)	Học kỳ 1, năm thứ 1 Học kỳ 1, năm thứ 2	1		1		Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
11.	TS. Nguyễn Quốc Trâm Ths. Nguyễn Huy Vũ	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 1) Giáo dục Thể chất 4 (Bóng chuyền 2)	Học kỳ 1, năm thứ 2 Học kỳ 2, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
12.	Ths. Phạm Minh Quang TS. Nguyễn Minh Cường	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh) Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 1) Giáo dục Thể chất 4 (Bóng đá 2)	Học kỳ 2, năm thứ 1 Học kỳ 1, năm thứ 2 Học kỳ 2, năm thứ 2	1		1		Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
13.	TS. Nguyễn Minh Cường Ths. Phạm Minh Quang	Giáo dục Thể chất 3 (Võ cổ truyền 1) Giáo dục Thể chất 4 (Võ cổ truyền 2)	Học kỳ 1, năm thứ 2 Học kỳ 2, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
14.	Ths. Lê Đức Hiếu TS. Nguyễn Minh Cường	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 1) Giáo dục Thể chất 4 (Bóng bàn 2) Giáo dục Thể chất 4 (Cầu lông 2)	Học kỳ 1, năm thứ 2 Học kỳ 2, năm thứ 2 Học kỳ 2, năm thứ 2			1		Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
15.	Ths. Đỗ Thị Phương Uyên Ths. Nguyễn Thành Huân	Kinh tế vi mô	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Quản trị quan hệ khách hàng	Học kỳ 1, năm thứ 3			3		
16.	Ths. Lương Thị Mai Loan Ths. Huỳnh Thị Huyền Trang	Kinh tế vĩ mô	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
		Thương mại điện tử	Học kỳ 1, năm thứ 3			3		
17.	Ths. Nguyễn Thị Xuân Nhị TS. Võ Thị Tâm	Quản trị học	Học kỳ 2, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Quản trị dự án	Học kỳ 2, năm thứ 3	3				
18.	TS. Võ Thị Tâm Ths. Nguyễn Thị Xuân Nhị	Marketing căn bản	Học kỳ 2, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Quản trị marketing	Học kỳ 1, năm thứ 2	3				
19.	Ths. Huỳnh Thị Huyền Trang Ths. Lương Thị Mai Loan	Nguyên lý kế toán	Học kỳ 1, năm thứ 1	3				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
		Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	Học kỳ 2, năm thứ 3;			2		
20.	Ths. Lương Tấn Thu Ths. Nguyễn Thị Nguyệt Thu	Kinh tế quốc tế	Học kỳ 1, năm thứ 2;			3		Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
		Lập kế hoạch kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ 3	3				
21.	Ths. Nguyễn Thị Nguyệt Thu Ths. Lương Tấn Thu	Tài chính tiền tệ	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
		Phân tích hoạt động kinh doanh	Học kỳ 2, năm thứ 4	2				
22.	Ths. Đinh Thị Như Quỳnh Ths. Nguyễn Thị Hòa Bình	Quản trị sản xuất	Học kỳ 1, năm thứ 4	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Quản trị chất lượng	Học kỳ 2,	3				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
			năm thứ 3;					
23.	Ths. Võ Thị Thúy Hằng Ths. Hoàng Tuấn Sinh	Quản trị tài chính Lập thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư du lịch	Học kỳ 1, năm thứ 3 Học kỳ 2, năm thứ 4	3 3				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
24.	Ths. Nguyễn Thị Hòa Bình Ths. Đinh Thị Như Quỳnh	Quản trị doanh nghiệp Quản trị bán hàng	Học kỳ 2, năm thứ 4 Học kỳ 2, năm thứ 3	3		3		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
25.	Ths. Hoàng Tuấn Sinh Ths. Võ Thị Thúy Hằng	Kế toán quản trị Hành vi tổ chức	Học kỳ 2, năm thứ 2 Học kỳ 2, năm thứ 1			3		Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
26.	Ths. Nguyễn Nữ Quỳnh Đoàn TS. Võ Thị Tâm	Quản trị rủi ro Quản trị chiến lược	Học kỳ 1, năm thứ 2; Học kỳ 1, năm thứ 3			3		Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
27.	Ths. Lê Văn Đăng TS. Đoàn Thị Như Hoa	Thanh toán quốc tế trong du lịch Nghị quyết vụ hướng dẫn du lịch	Học kỳ 2, năm thứ 4 Học kỳ 2, năm thứ 3;			3		Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
28.	Ths. Tôn Nữ Cẩm Hương Ths. Phan Thị Thanh Thúy	Kỹ năng giao tiếp Kỹ năng ứng tuyển và trả lời phỏng vấn	Học kỳ 1, năm thứ 1; Học kỳ 1, năm thứ 4	2 2				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
29.	TS. Đoàn Thị Như Hoa TS. Nguyễn Thị Ngan	Quản lý điểm đến du lịch Văn hóa doanh nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 4; Học kỳ 1, năm thứ 4			3 3		Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
30.	TS. Nguyễn Thị Ngan TS. Đoàn Thị Như Hoa	Địa lý du lịch Việt Nam Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Học kỳ 2, năm thứ 1 Học kỳ 2, năm thứ 3;			3 3		Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy
31.	Ths. Phan Thị Thanh Thúy Ths. Tôn Nữ Cẩm Hương	Kỹ năng tổ chức sự kiện Kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc hiệu quả	Học kỳ 1, năm thứ 4 Học kỳ 2, năm thứ 2	2 2				Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
<b>II. Giảng viên thỉnh giảng</b>								
32.	TS. Đoàn Thị Nhiệm TS. Nguyễn Văn Thụy	Hành vi người tiêu dùng	Học kỳ 2, năm thứ 2			3		Giảng viên thỉnh giảng
		Kỹ năng thiết lập mục tiêu	Học kỳ 2, năm thứ 1;	2				
33.	TS. Lê Mộng Huyền Ths Nguyễn Thị Thu Nhuận	Kế toán doanh nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 2			3		Giảng viên thỉnh giảng
		Đạo đức kinh doanh	Học kỳ 2, năm thứ 2			3		
34.	Ths. Nguyễn Thị Thu Nhuận TS. Lê Thị Mộng Huyền	Khởi nghiệp	Học kỳ 2, năm thứ 2	2				Giảng viên thỉnh giảng
		Quản trị kinh doanh quốc tế	Học kỳ 2, năm thứ 4			3		
35.	TS. Nguyễn Văn Thụy TS. Đoàn Thị Nhiệm	Quản trị nguồn nhân lực	Học kỳ 1, năm thứ 2	3				Giảng viên thỉnh giảng
		Nghiên cứu thị trường	Học kỳ 2, năm thứ 2			3		
36.	Ths. Lê Thị Bách Thảo Ths. Trần Thị Thúy Hằng	Quản trị chuỗi cung ứng	Học kỳ 1, năm thứ 4	3				Giảng viên thỉnh giảng
		Quản trị thương hiệu	Học kỳ 1, năm thứ 2;			3		
37.	Ths. Lê Minh Toàn Ths. Võ Thị Xuân Hạnh	Thiết kế và điều hành tour	Học kỳ 1, năm thứ 4	3				Giảng viên thỉnh giảng
		Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch	Học kỳ 2, năm thứ 4			3		
38.	Ths. Trần Thị Thúy Hằng Ths. Lê Thị Bách Thảo	Quản trị khu nghỉ dưỡng	Học kỳ 2, năm thứ 3	3				Giảng viên thỉnh giảng
		Quản trị kinh doanh lữ hành	Học kỳ 1, năm thứ 3	3				
39.	Ths. Võ Thị Xuân Hạnh Ths Lê Minh Toàn	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	Học kỳ 2, năm thứ 3			3		Giảng viên thỉnh giảng
		Kinh tế du lịch	Học kỳ 2, năm thứ 1			3		
40.	TS. Huỳnh Văn Thái Ths. Lê Đức Tâm	Quản trị sự thay đổi	Học kỳ 2, năm thứ 3;			3		Giảng viên thỉnh giảng
		Quản trị kinh doanh khách sạn	Học kỳ 1,			3		

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
			năm thứ 3;					
41.	Ths. Lê Đức Tâm TS. Huỳnh Văn Thái	Marketing du lịch	Học kỳ 1, năm thứ 3;			3		Giảng viên thỉnh giảng
		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ 3	2				
42.	Ths. Phan Văn Hiền Ths. Nguyễn Thị Phương Vi	Luật kinh tế	Học kỳ 1, năm thứ 4			3		Giảng viên thỉnh giảng

### 12.3. Danh sách cán bộ quản lý

Danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học của cơ sở đào tạo (Theo mẫu 3, phụ lục 3, thông tư 02/2022/TT-BGDĐT).

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lương Tấn Thu, 1979, Phó Trưởng Khoa- Phụ trách Khoa Kinh tế	Thạc sĩ, 2011	Quản lý công	
2	Đình Thị Như Quỳnh, 1986, Phó Trưởng khoa Kinh tế	Thạc sĩ, 2013	Quản trị kinh doanh	

### 13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

#### 13.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo trình độ đại học

(Theo mẫu 6, Phụ lục 3, Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT)

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					

1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	360	Các học phần lý thuyết	I - VIII	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	279,12	Các học phần lý thuyết	I - VIII	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	43	3.854,64	Các học phần lý thuyết	I - VIII	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	26	1.433,04	Các học phần lý thuyết	I - VIII	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	5	360,32	Các học phần lý thuyết và thực hành	I - VIII	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	12	910	Các học phần lý thuyết	I - VIII	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	1.268	Các học phần lý thuyết	I - VIII	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	27	3.267,14	Các học phần thực hành	I - VIII	



### 13.2. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	
1	Phòng học	26	50			Các học phần lý thuyết	
2	Phòng học đa phương tiện	2	154,4	Projector, activeboard, amplifier	90	Các học phần lý thuyết, ngoại ngữ	
3	Giảng đường	1	279,12 m <sup>2</sup> 200 chỗ		1	Hội nghị chuyên đề, hội thảo	
4	Phòng hội thảo khoa học	1	360	Projector, activeboard, amplifier	1 1 1	Hội thảo khoa học	
5	Phòng máy tính	5	318,24	Máy tính kết nối internet	180	Các học phần liên quan đến tin học	

## 14. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

### 14.1. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 1268 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc: 509,4 m<sup>2</sup>

- Số chỗ ngồi: 100; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 12

- Phần mềm quản lý thư viện: Phần mềm quản lý tích hợp Libol 6.0

- Thư viện điện tử: Đang kết nối với Trung tâm tri thức số, liên hiệp các trường đại học phía Bắc

- Ngoài nước: kết nối qua giao thức Z39.50. Sắp đến sẽ mua một số tài khoản truy cập vào mạng thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**14.2. Danh mục giáo trình chính trong chương trình đào tạo**

(Theo mẫu 7, Phụ lục 3, Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT)

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản ở thư viện	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình Triết học Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia sự thật, 2021	10	Triết học Mác-Lênin	LC111013	Học kỳ 1, năm thứ 1	
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia sự thật, 2021	10	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LC112112	Học kỳ 2, năm thứ 1	
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia sự thật, 2021	10	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LC113112	Học kỳ 1, năm thứ 2	
4	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia sự thật, 2021	10	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LC113112	Học kỳ 1, năm thứ 2	
5	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia sự thật, 2021	10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LC120012	Học kỳ 1, năm thứ 3	
6	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2015	12	Pháp luật đại cương	LC130012	Học kỳ 1, năm thứ 2	
7	English for Business Management	ThS. Phạm Thị Nguyên Như & Th.s Nguyễn Thị Thiết	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông, 2006	TL số	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	NG116063	Học kỳ 2, năm thứ 2	
8	Toán cơ sở cho kinh tế	Nguyễn Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam, 2014	10	Toán cơ sở cho kinh tế	TN117013	Học kỳ 1, năm thứ 1	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản ở thư viện	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
9	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền, TS Ngô Thị Việt Nga	Đại học kinh tế quốc dân, 2020	1	Khởi nghiệp	KT120612	Học kỳ 2, năm thứ 2	
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Nguyễn Đình Thọ	Lao động – Xã hội, TP. Hồ Chí Minh, 2014	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	KT120022	Học kỳ 1, năm thứ 3	
11	Phương pháp định lượng trong nghiên cứu quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế	Đình Phi Hồ	Tài chính, TP. Hồ Chí Minh, 2020	1	Phương pháp định lượng trong quản trị	KT120082	Học kỳ 1, năm thứ 4	
12	Giáo trình Thể dục	Trương Anh Tuấn, Năm Xuất Bản	Đại học Sư phạm, 2004	2	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	TC120011	Học kỳ 1, năm thứ 1	
13	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh (Chủ biên) - Nguyễn Trọng Hải	Đại học Sư phạm, 2003	2	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	TC121011	Học kỳ 2, năm thứ 1	
14	Giáo trình Điền kinh.	Nguyễn Kim Minh	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2004	49	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)			
15	Giáo trình “Võ học Việt Nam”	PGS.TS Mai Văn Muôn	Đại học dân lập Hồng Bàng, 2004	1	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	TC122001	Học kỳ 1, năm thứ 2	
16	Võ cổ truyền Việt Nam	Võ sư Lê Kim Hòa	Trẻ TP.HCM, 2012	1	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ			

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản ở thư viện	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
					bản)			
17	Luật thi đấu Võ thuật Cổ truyền Việt Nam	Luật thi đấu Võ thuật Cổ truyền Việt Nam	Tổng cục TDTT, 2016	1	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)			
18	Giáo trình “Võ học Việt Nam”.	PGS.TS Mai Văn Muôn	Đại học dân lập Hồng Bàng, 2004	1	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	TC123001	Học kỳ 2, năm thứ 2	
19	Võ cổ truyền Việt Nam	Võ sư Lê Kim Hòa	Trẻ TP.HCM, 2012	1	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)			
20	Luật thi đấu Võ thuật Cổ truyền Việt Nam	Luật thi đấu Võ thuật Cổ truyền Việt Nam	Tổng cục TDTT, 2016	1	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)			
21	Kinh tế học vi mô	N. G. Mankiw, Khoa kinh tế Trường Đại Học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh (dịch)	Hồng Đức, 2021	3	Kinh tế vi mô	KT120103	Học kỳ 1, năm thứ 1	
22	Bài tập Kinh tế vĩ mô	TS. Nguyễn Như Ý	Thống kê, 2020	2	Kinh tế vĩ mô	KT120113	Học kỳ 1, năm thứ 1	
23	Giáo trình kinh tế vĩ mô	TS. Nguyễn Như	Thống kê, 2021	2				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản ở thư viện	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Ý						
24	Giáo trình Marketing căn bản	TS. Nguyễn Văn Hùng	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2013	24	Marketing căn bản	KT120043	Học kỳ 2, năm thứ 1	
25	Giáo trình Nguyên lý Kế toán (Tái bản lần thứ 9)	PGS,TS Võ Văn Nhị	Tài chính, 2018	3	Nguyên lý kế toán	KT120033	Học kỳ 1, năm thứ 1	
26	Hệ thống bài tập & Câu hỏi trắc nghiệm Nguyên lý kế toán	PGS.TS Võ Văn Nhị	Tài chính, 2018	3	Nguyên lý kế toán			
27	Hành vi tổ chức	Bùi Anh Tuấn, Phạm Thúy Hương	Đại học Kinh tế quốc dân, 2013	3	Hành vi tổ chức	KT120223	Học kỳ 1, năm thứ 2	
28	Hành vi người tiêu dùng	PGS.TS. Vũ Huy Thông	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2014	1	Hành vi người tiêu dùng	KT120233	Học kỳ 2, năm thứ 2	
29	Giáo trình tài chính tiền tệ	Học viện tài chính	Thông tin & truyền thông, 2022	3	Tài chính tiền tệ	KT120053	Học kỳ 2, năm thứ 1	
30	Kinh tế phát triển	Nguyễn Trọng Hoài và cộng sự	Lao động, TP. Hồ Chí Minh, 2010	30	Kinh tế phát triển	KT120063	Học kỳ 2, năm thứ 1	
31	Địa lý du lịch - Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ - Vũ Đình Hòa	Giáo dục Việt Nam, 2017	10	Địa lý du lịch Việt Nam	XH120663	Học kỳ 2, năm thứ 1	
32	Giáo trình Kinh tế du lịch	GS TS Nguyễn Văn Đính	Lao Động Xã Hội, 2016	2	Kinh tế du lịch	KT120073	Học kỳ 2, năm thứ 1	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản ở thư viện	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
33	Giáo trình Quản trị học	Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Quản trị kinh doanh	Tài chính, 2021	6	Quản trị học	KT120123	Học kỳ 2, năm thứ 1	
34	Giáo trình phát triển nguồn nhân lực	PGS.TS Vũ Hoàng Ngân	Đại Học kinh tế quốc dân, 2022	3	Quản trị nguồn nhân lực	KT120133	Học kỳ 1, năm thứ 2	
35	Quản trị Marketing	PGS. TS. Trương Đình Chiến	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2014	1	Quản trị Marketing	KT120143	Học kỳ 1, năm thứ 2	
36	Quản trị tài chính căn bản	PGS.TS. Nguyễn Quang Thu	Lao động, 2011	1	Quản trị tài chính	KT120153	Học kỳ 1, năm thứ 3	
37	Quản trị chiến lược	Trần Đăng Khoa	Kinh tế HCM, 2017	1	Quản trị chiến lược	KT120163	Học kỳ 1, năm thứ 3	
38	Giáo trình Quản trị bán hàng	PGS.TS Vũ Minh Đức; PGS.TS Vũ Huy Thông	Đại học kinh tế quốc dân, 2018	1	Quản trị bán hàng	KT120173	Học kỳ 2, năm thứ 3	
39	Quản trị thương hiệu	TS. Phạm Thị Lan Hương	Tài chính, 2014	1	Quản trị thương hiệu	KT120183	Học kỳ 1, năm thứ 2	
40	Giáo trình kinh tế quốc tế	Nguyễn Văn Dung	Phương Đông, 2012	3	Kinh tế quốc tế	KT120193	Học kỳ 1, năm thứ 2	
41	Quản trị rủi ro	PGS.TS. Phan Thị Thu Hà	Trường ĐH Kinh tế quốc dân, 2019	3	Quản trị rủi ro	KT120213	Học kỳ 1, năm thứ 2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản ở thư viện	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
42	Nghiên cứu thị trường	Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang	Kinh tế TP. HCM, TP. Hồ Chí Minh, 2015	15	Nghiên cứu thị trường	KT120243	Học kỳ 2, năm thứ 2	
43	Đạo đức kinh doanh	PGS. TS. Nguyễn Mạnh Quân	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015	1	Đạo đức kinh doanh	KT120253	Học kỳ 2, năm thứ 2	
44	Kế toán quản trị	PGS.TS. Nguyễn Thị Loan	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2017	1	Kế toán quản trị	KT120263	Học kỳ 2, năm thứ 2	
45	Kỹ năng Giao tiếp Kinh doanh	Nguyễn Văn Hùng	Kinh tế TP.HCM, 2018	6	Kỹ năng giao tiếp	KT120272	Học kỳ 1, năm thứ 1	
46	Cuốn sách số 1 về tìm việc	Lynn Williams	Lao động – Xã hội, 2015	1	Kỹ năng ứng tuyển và trả lời phỏng vấn	KT120542	Học kỳ 1, năm thứ 4	
47	Goals! Chinh phục mục tiêu	Tracy, B	Tổng hợp TPHCM, 2019	3	Kỹ năng thiết lập mục tiêu	KT120282	Học kỳ 2, năm thứ 1	
48	Kỹ năng đàm phán hiệu quả trong kinh doanh	Scott Gerber (Hà Tiến Hưng dịch)	Thanh Niên, 2010	1	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	KT120292	Học kỳ 2, năm thứ 3	
49	Kỹ năng viết thư và soạn thảo hợp đồng	Nguyễn Thắng	Hồng Đức, 2012	1				
50	Kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc hiệu quả	Phyllis Korrrkki (Trần Phương Thảo dịch)	Đại học kinh tế Quốc dân	1	Kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc hiệu quả	KT120312	Học kỳ 1, năm thứ 2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản ở thư viện	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
51	Kế hoạch kinh doanh	Phạm Ngọc Thủy, Phạm Tuấn Cường, Lê Nguyễn Hậu, Tạ Trí Nhân	Đại học quốc gia Hồ Chí Minh, 2015	1	Lập kế hoạch kinh doanh	KT120363	Học kỳ 1, năm thứ 3	
52	Giáo trình quản trị dự án	TS. Đinh Bá Hùng Anh	Tài chính, 2019	1	Quản trị dự án	KT120373	Học kỳ 2, năm thứ 3	
53	Quản trị sản xuất và dịch vụ	Đồng Thị Thanh Phương	Lao động- xã hội, 2014	1	Quản trị sản xuất	KT120333	Học kỳ 2, năm thứ 3	
54	Quản trị chuỗi cung ứng	TS Nguyễn Thành Hiếu	Đại học Kinh tế quốc dân, 2015	1	Quản trị chuỗi cung ứng	KT120343	Học kỳ 1, năm thứ 4	
55	Quản trị quan hệ khách hàng, lý thuyết và thực hành ứng dụng của các công ty Việt Nam	Lưu Đan Thọ- Lương Văn Quốc	Tài chính, 2016	1	Quản trị quan hệ khách hàng	KT120353	Học kỳ 2, năm thứ 3	
56	Thương mại điện tử	TS. Nguyễn Hoài Anh, CN. Ao Thu Hoài	Thông tin và truyền thông, 2011	1	Thương mại điện tử	KT120383	Học kỳ 2, năm thứ 3	
57	Giáo trình Quản trị chất lượng	Tạ Kiều An và nhóm tác giả (Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh)	Thống kê, 2011	1	Quản trị chất lượng	KT120393	Học kỳ 2, năm thứ 3	



STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản ở thư viện	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
58	Bài tập Quản trị chất lượng	Tạ Kiều An và nhóm tác giả (Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh)	Thống kê, 2011	1	Quản trị chất lượng			
59	Quản trị sự thay đổi trong tổ chức	TS. Phạm Vũ Khiêm, TS Hứa Thùy Trang	Bách khoa Hà Nội, 2018	1	Quản trị sự thay đổi	KT120403	Học kỳ 2, năm thứ 3	
60	Giáo trình kế toán tài chính	PGS. TS. Võ Văn Nhị	Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2015	1	Kế toán doanh nghiệp	KT120423	Học kỳ 1, năm thứ 4	
61	Giáo trình Pháp luật kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Đại học kinh tế quốc dân, 2015	1	Luật kinh tế	LC130113	Học kỳ 1, năm thứ 4	
62	Giáo trình văn hoá doanh nghiệp	PGS. TS. Đỗ Thị Phi Hoài	Tài chính, 2017	1	Văn hóa doanh nghiệp	KT120413	Học kỳ 1, năm thứ 4	
63	Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành	Trường Đại học Kinh tế quốc dân – Khoa du lịch và khách sạn	Đại học kinh tế quốc dân, 2012	1	Quản trị kinh doanh lữ hành	KT120473	Học kỳ 1, năm thứ 3	
64	Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng	Son Hồng Đức	Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2012	1	Quản trị khu nghỉ dưỡng	KT120463	Học kỳ 2, năm thứ 3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản ở thư viện	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
65	Quản trị chất lượng toàn diện TQM và nhóm chất lượng	Đình Bá Hùng Anh và Lê Hữu Hoàng	Kinh tế TPHCM, 2017	1	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	KT120503	Học kỳ 2, năm thứ 3	
66	Giáo trình Nghiệp vụ lữ hành	Ths Lê Hồ Quốc Khánh	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2019	1	Thiết kế và điều hành tour	XH147513	Học kỳ 1, năm thứ 4	
67	Marketing du lịch	Hà Nam Khánh Giao	Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2011	1	Marketing du lịch	KT120493	Học kỳ 1, năm thứ 3	
68	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương	Đại học Kinh tế quốc dân, 2013	1	Quản trị kinh doanh khách sạn	KT120503	Học kỳ 1, năm thứ 3	
69	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục, 2017	1	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	XH147113	Học kỳ 2, năm thứ 3	
70	Nghiệp vụ thuyết minh viên và hướng dẫn viên du lịch	Dự án EU	Dự án EU, 2013	1	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	KT120513	Học kỳ 2, năm thứ 3	
71	Thực hành nghiệp vụ lữ hành - hướng dẫn du lịch	Nguyễn Tư Lương	Xã hội, 2014	1				
72	Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030	Thủ tướng chính phủ	Thủ tướng chính phủ, 2020	1	Quản lý điểm đến du lịch	KT120523	Học kỳ 1, năm thứ 4	
73	Luật du lịch Việt Nam	Đặng Công Tráng, Võ Thị Thu Thủy	Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2018	1	Luật du lịch	LC130143	Học kỳ 1, năm thứ 4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản ở thư viện	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
74	Giáo trình thủ tục xuất nhập cảnh	Huỳnh Thanh Thi	Lao động, 2010	1	Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch	KT120553	Học kỳ 2, năm thứ 4	
75	Giáo trình bảo hiểm	TS Nguyễn Đăng Tuệ, Ths Nguyễn Thị Vũ Khuyên	Bách khoa Hà Nội, 2021	1				
76	Phân tích hoạt động kinh doanh	PGS.TS. Phạm Văn Dược	Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2013	1	Phân tích hoạt động kinh doanh,	KT120202	Học kỳ 2, năm thứ 4	
77	Tổ chức sự kiện	PGS.TS Lưu Văn Nghiêm	Tổ chức sự kiện (sách chuyên khảo), 2012	1	Kỹ năng tổ chức sự kiện	KT120302	Học kỳ 1, năm thứ 4	
78	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	Ngô Kim Thanh	Phụ nữ, 2009	1	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	KT120322	Học kỳ 2, năm thứ 4	
79	Quản trị kinh doanh quốc tế	Bùi Lê Hà và Cộng sự	Lao động – Xã hội, 2020	1	Quản trị kinh doanh quốc tế	KT120433	Học kỳ 2, năm thứ 4	
80	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	GS TS Đông Thị Thanh Phương	Thống kê, 2018	1	Quản trị doanh nghiệp	KT120443	Học kỳ 2, năm thứ 4	
81	Lập và thẩm định tài chính dự án đầu tư	ThS. Đinh Thế Hiển	Thống kê, 2016	1	Lập thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư	KT120563	Học kỳ 2, năm thứ 4	
82	Giáo trình thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương	GS TS Nguyễn Văn Tiến và TS	Đại học kinh tế quốc dân, 2021	1	Thanh toán quốc tế trong du lịch	KT120573	Học kỳ 2, năm thứ 4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản ở thư viện	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	Incoterms	Nguyễn Thị Hồng Hải						

**14.3. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo (Theo mẫu 7, Phụ lục 3, Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT)**

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 1997	Triết học Mác-Lênin	LC111013	Học kỳ 1, năm thứ 1	
2.	Từ điển triết học	Cung Kim Tiến	Văn hóa thông tin, 2002				
3.	Lịch sử triết học	Bùi Thanh Quát	Giáo dục, 2001				
4.	Lịch sử triết học	Nguyễn Hữu Vui	Chính trị quốc gia, 2002				
5.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LC112112	Học kỳ 2, năm thứ 1	
6.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2011				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
7.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2001				
8.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2004	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LC113112	Học kỳ 1, năm thứ 2	
9.	Những điểm mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH,	Đảng Cộng sản Việt Nam	Sự thật, 1991				
10.	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia, 2016				
11.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia, 2002				
12.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2011	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LC113112	Học kỳ 1, năm thứ 2	
13.	Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập1)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2007				
14.	Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập2)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2007				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
15.	Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập3)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2007				
16.	Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975, thắng lợi và bài học	Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị	Chính trị quốc gia, 2000				
17.	Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận-thực tiễn qua 30 năm đổi mới	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia, 2015				
18.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2006				
19.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2013				
20.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia, 2009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LC120012	Học kỳ 1, năm thứ 3	
21.	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Võ Nguyên Giáp	Chính trị quốc gia, 1997				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
22.	Hồ Chí Minh Toàn tập (15 tập)	Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia, 2011				
23.	Hồ Chí Minh, nhà tư tưởng lỗi lạc	Song Thành	Lý luận chính trị, 2005				
24.	Hồ Chí Minh - Tiểu sử	Song Thành	Lý luận chính trị, 2006				
25.	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị quốc gia, 2012	Pháp luật đại cương	LC130012	Học kỳ 1, năm thứ 2	
26.	Hỏi và đáp Nhà nước và pháp luật - phần 1 và 2	Trần Thị Cúc, Nguyễn Thị Phương	Đại học quốc gia Hà Nội, 2008				
27.	Speaking B1- English for life	Cheryl Pelteret	Collins, 2013	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	NG116063	Học kỳ 2, năm thứ 2	
28.	Say it Naturally!	Allie Patricia Wall	Verbal Strategies for Authentic Communication, 1989				
29.	Handbook for Teachers, CUP.	University of Cambridge, ESOL Examinations	University of Cambridge, ESOL Examinations, 2012				
30.	Insight into PET, CUP.	Helen Naylor and Stuart Hagger	Helen Naylor and Stuart Hagger, 2004				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
31.	Đại số tuyến tính	Trần Lưu Cường	Đại học Quốc gia Hà nội, 2012	Toán cơ sở cho kinh tế	TN117013	Học kỳ 1, năm thứ 1	
32.	Đại số tuyến tính	Nguyễn Duy Thuận, Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chinh	Đại học Sư phạm, 2004				
33.	Toán cao cấp – Đại số tuyến tính	Đỗ Công Khanh	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2004				
34.	Toán cao cấp tập 1, 2, 3	Nguyễn Đình Trí.	Giáo dục, 2006				
35.	Bài tập Toán cao cấp tập 1, 2, 3	Nguyễn Đình Trí.	Giáo dục, 2006				
36.	Khởi nghiệp kinh doanh	Donald F Kuratko	Hồng Đức, 2019	Khởi nghiệp	KT120612	Học kỳ 2, năm thứ 2	
37.	Nghiên cứu kinh doanh	Lê Công Hoa	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	KT120022	Học kỳ 1, năm thứ 3	
38.	Các bài giảng, bài đọc về các phương pháp định lượng của Trường Fulbright Việt Nam:	Trường Fulbright Việt Nam	Trường Fulbright Việt Nam, 2017	Phương pháp định lượng trong quản trị	KT120082	Học kỳ 1, năm thứ 4	
39.	Thẻ đục cơ bản – Thẻ đục Thực dụng	Đặng Đức Thao, Phạm Nguyên Phùng	Bộ giáo dục và đào tạo, 1998	Giáo dục Thẻ chất 1 (Thẻ đục)	TC120011	Học kỳ 1, năm thứ 1	



STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
40.	Thể Dục	Vũ Thanh Sơn, Nguyễn Danh Hoàng Việt	Đại học sư phạm Hà Nội, 2003				
41.	Ném bóng – Đẩy tạ	Trần Đồng Lâm	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2003				
42.	Bước đầu nghiên cứu nguồn gốc – đặc trưng Võ cổ truyền Bình Định	Phạm Đình Phong	Quy Nhơn, 2000	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	TC121011	Học kỳ 2, năm thứ 1	
43.	Luật Điền kinh	Luật Điền kinh	Thể dục thể thao, 2000	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	TC122001	Học kỳ 1, năm thứ 2	
44.	Bài tập Kinh tế vi mô	TS. Nguyễn Như Ý	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2018	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	TC123001	Học kỳ 2, năm thứ 2	
45.	Principles of Economics	N. G. Mankiw	Lao động, 2004	Kinh tế vi mô	KT120103	Học kỳ 1, năm thứ 1	
46.	Giáo trình nguyên lý kinh tế vĩ mô	GS.TS. Nguyễn Văn Công	Giáo dục, 2020	Kinh tế vĩ mô	KT120113	Học kỳ 1, năm thứ 1	
47.	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2015				
48.	Giáo trình Marketing căn bản	Quách Thị Bửu Châu, Đinh Tiên Minh	Lao động, 2010	Marketing căn bản	KT120043	Học kỳ 1, năm thứ 1	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
49.	Quản trị Marketing	PGS. TS. Lê Thế Giới	Tài Chính, 2014				
50.	Giáo trình Nguyên lý kế toán	Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường ĐH Tài chính Marketing,	Thống kê, 2017	Nguyên lý kế toán	KT120033	Học kỳ 1, năm thứ 1	
51.	Bài tập Nguyên lý kế toán	Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường ĐH Tài chính Marketing	Thống kê, 2017				
52.	Hành vi tổ chức	Stephen P. Robbins & Timothy A. Judge	Lao động Xã hội, 2013	Hành vi tổ chức	KT120223	Học kỳ 1, năm thứ 2	
53.	Quản trị Hành vi tổ chức	Paul Hersey và Ken Blanc Hard	Thống kê, 2015				
54.	Hành vi người tiêu dùng	TS Bùi Văn Quang (chủ biên) và Th.s Nguyễn Thị Thu Trang	Lao Động Xã Hội, 2015	Hành vi người tiêu dùng	KT120233	Học kỳ 2, năm thứ 2	
55.	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ	Nguyễn Đăng Dờn, Đại học kinh tế TP HCM	Thống kê, 2008	Tài chính tiền tệ	KT120053	Học kỳ 2, năm thứ 1	
56.	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ	PGS.TS Phan Thị Cúc – Ths Đoàn Văn Huy, Trường ĐH Công nghệ TP HCM	Thống kê, 2010				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
57.	Kinh tế phát triển căn bản và nâng cao	Đinh Phi Hồ, Nguyễn Văn Phương	Đại học Kinh tế, TP. Hồ Chí Minh, 2015	Kinh tế phát triển	KT120063	Học kỳ 2, năm thứ 1	
58.	Giáo trình Địa lý du lịch	Trần Đức Thanh	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	Địa lý du lịch Việt Nam	XH120663	Học kỳ 2, năm thứ 1	
59.	Du lịch - Từ lý thuyết đến thực tiễn	Phan Huy Xu - Võ Văn Thành	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2018,				
60.	Giáo trình kinh tế du lịch	Vũ Mạnh Hà	Giáo dục Việt Nam, 2017	Kinh tế du lịch	KT120073	Học kỳ 2, năm thứ 1	
61.	Giáo trình Quản trị học	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Khoa quản trị	Tài chính, 2020	Quản trị học	KT120123	Học kỳ 2, năm thứ 1	
62.	Dessler G, (2017), Human Resource Management (15th ed)	Dessler G	Pearson Education, USA, 2017	Quản trị nguồn nhân lực	KT120133	Học kỳ 1, năm thứ 2	
63.	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2011				
64.	Quản trị Nhân lực	Tạ Thị Hồng Hạnh và Vũ Việt Hằng	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2016				
65.	Quản trị Marketing	PGS. TS. Lê Thế Giới	Tài Chính, 2014	Quản trị Marketing	KT120143	Học kỳ 1, năm thứ 2	
66.	Giáo trình Marketing căn bản	GS. TS. Trần Minh Đạo	Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội,				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			2013				
67.	Nhà quản lý tài chính cần biết	Nguyễn Hữu Ngọc	Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, 2008	Quản trị tài chính	KT120153	Học kỳ 1, năm thứ 3	
68.	Quản trị tài chính	Nguyễn Văn Phương	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông, 2015				
69.	Câu hỏi và bài tập quản trị tài chính	TS. Nguyễn Văn Thuận	Thống kê, 2012				
70.	Quản trị chiến lược phát triển vị thế cạnh tranh	Nguyễn Hữu Lam	Thống kê, 2007	Quản trị chiến lược	KT120163	Học kỳ 1, năm thứ 3	
71.	Giáo trình Quản trị chiến lược	Lại Xuân Thủy	Đại học Huế, 2012				
72.	Quản trị chiến lược	Đoàn Thị Hồng Vân	Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2011				
	Bài tập Quản trị chiến lược	PGS.TS. Ngô Kim Thanh	Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, 2015				
73.	Quản trị bán hàng	Jame M Comer (dịch Lê Thị Hiệp Hương, Nguyễn Việt Quyên)	Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2019	Quản trị bán hàng	KT120173	Học kỳ 2, năm thứ 3	
74.	Quản trị thương hiệu	Patricia F. Nicolino	Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2010	Quản trị thương hiệu	KT120183	Học kỳ 1, năm thứ 2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
75.	Quản trị Marketing	PGS. TS. Trương Đình Chiến	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2014				
76.	Giáo trình Kinh tế đối ngoại	Học viên Ngoại giao Việt Nam	Chính trị quốc gia, sự thật, Hà Nội, 2012	Kinh tế quốc tế	KT120193	Học kỳ 1, năm thứ 2	
77.	International economics: theory & policy, Part 01	Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld, Marc J	Pearson Addison-Wesley, 2012				
78.	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	TS. Ngô Thị Ngọc Huyền	Thống kê, 2007	Quản trị rủi ro	KT120213	Học kỳ 1, năm thứ 2	
79.	Quản trị rủi ro và bảo hiểm trong doanh nghiệp	PGS.TS Nguyễn Quang Thu,	Lao động, 2013				
80.	Nghiên cứu Marketing	Nguyễn Thị Hoàng Yên	Thông tin và truyền thông, 2016	Nghiên cứu thị trường	KT120243	Học kỳ 2, năm thứ 2	
81.	Đạo đức kinh doanh	Laura P. Hartman – Joe Desjardins	Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2011	Đạo đức kinh doanh	KT120253	Học kỳ 2, năm thứ 2	
82.	Văn hóa doanh nghiệp và sự lãnh đạo	Edar H. Schein	Thời đại, 2012				
83.	Ứng dụng các phương pháp định lượng trong kế toán quản trị	Trần Đình Phụng	Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2016	Kế toán quản trị	KT120263	Học kỳ 2, năm thứ 2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
84.	Giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống	Đoàn Thị Hồng Vân & Kim Ngọc Đạt	Thống kê, 2011	Kỹ năng giao tiếp	KT120272	Học kỳ 2, năm thứ 2	
85.	Giáo trình giao tiếp kinh doanh	Hà Nam Khánh Giao và ctg	Lao động, 2011				
86.	Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể	Allan & Barbara Pease	Lao động, 2015	Kỹ năng ứng xử và trả lời phỏng vấn	KT120542	Học kỳ 1, năm thứ 4	
87.	Nghệ thuật quản lý thời gian: mười chiến lược tối ưu hóa thời gian trong công việc và cuộc sống	Tracy, B	Lao Động, 2018	Kỹ năng thiết lập mục tiêu	KT120282	Học kỳ 2, năm thứ 1	
88.	Thuật đàm phán	Scott Gerber (Hà Tiến Hưng dịch)	Thanh niên, 2010	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	KT120292	Học kỳ 2, năm thứ 3	
89.	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, hợp đồng thương mại	Phạm Quốc Lợi	Tài chính, 2009				
90.	Kỹ năng quản lý thời gian	Donald F. Kuratko	Hồng Đức, 2022	Kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc hiệu quả	KT120312	Học kỳ 1, năm thứ 2	
91.	Lập kế hoạch kinh doanh	Edward Blackwell – Thu Hương dịch	Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, 2010	Lập kế hoạch kinh doanh	KT120363	Học kỳ 1, năm thứ 3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
92.	Giáo trình kế hoạch kinh doanh	Bùi Đức Tuấn	Lao động – Xã hội, 2005				
93.	Giáo trình quản lý dự án đầu tư xây dựng	Phan Nhật Duy – Đoàn Ngọc Hiệp	Xây dựng, 2015	Quản trị dự án	KT120373	Học kỳ 2, năm thứ 3	
94.	Giáo trình quản trị sản xuất và tác nghiệp	Đồng chủ biên TS. Trần Đức Lộc, TS. Trần Văn Phùng	Tài chính, 2008	Quản trị sản xuất	KT120333	Học kỳ 2, năm thứ 3	
95.	Bài tập quản trị sản xuất và tác nghiệp Học viện tài chính	TS. Trần Đức Lộc	Tài chính, 2013				
96.	Quản trị chuỗi cung ứng	TS. Nguyễn Thành Hiếu	Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, 2015	Quản trị chuỗi cung ứng	KT120343	Học kỳ 1, năm thứ 4	
97.	Quản trị cung ứng	Đoàn Thị Hồng Vân – Bùi Lê Hà	Thống kê, 2002				
98.	Quản lý chuỗi cung ứng	Nguyễn Công Bình	Thống kê, 2008				
99.	Giáo trình Quản trị quan hệ khách hàng	PGS.TS. Trương Đình Chiến	Phụ nữ, 2009	Quản trị quan hệ khách hàng	KT120353	Học kỳ 2, năm thứ 3	
100.	Kỹ yếu CRM	PGS.TS. Trương Đình Chiến	Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, 2012				

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
101.	Customer Relationship Management – Concepts, and Technology	Francis Buttle	Elsevier, 2013				
102.	Thương mại điện tử	TS. Nguyễn Văn Hùng	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2013	Thương mại điện tử	KT120383	Học kỳ 2, năm thứ 3	
103.	Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam năm 2011, 2012, 2013	Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin.	Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, 2013				
104.	Quản trị chất lượng toàn diện TQM và nhóm chất lượng	Đình Bá Hùng Anh và Lê Hữu Hoàng	Kinh tế TPHCM, 2017	Quản trị chất lượng	KT120393	Học kỳ 2, năm thứ 3	
105.	Quản trị sự thay đổi	Nguyễn Phúc Nguyên	Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2020	Quản trị sự thay đổi	KT120403	Học kỳ 2, năm thứ 3	
106.	Understanding Organizational Change	Jean Helms-Mills, Kelly Dye, Albert J. Mills	Routledge, 2008				
107.	Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư Số: 53/2016/TT-BTC ngày 21	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính, 2014	Kế toán doanh nghiệp	KT120423	Học kỳ 1, năm thứ 4	



STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	tháng 3 năm 2016 về Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC.						
108.	Luật kế toán năm 2015	Quốc hội	Quốc hội, 2015				
109.	Giáo trình Luật kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	Công an nhân dân, 2013	Luật kinh tế	LC130113	Học kỳ 1, năm thứ 4	
110.	Giáo trình Luật Thương mại (Tập 1)	Trường Đại học Luật Hà Nội	Tư pháp, 2017				
111.	Giáo trình Luật Thương mại (Tập 2)	Trường Đại học Luật Hà Nội	Tư pháp, 2017				
112.	Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Hồng Đức, 2020				
113.	Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh	Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh	Hồng Đức, 2021				
114.	Giáo trình văn hoá kinh doanh	PGS. TS. Dương Thị Liễu	Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, 2013				Văn hóa doanh nghiệp
115.	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	Trường Đại học Kinh tế quốc dân – Khoa du lịch	Đại học kinh tế quốc dân, 2013	Quản trị kinh doanh lữ hành	KT120473	Học kỳ 1, năm thứ 3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		và khách sạn					
116.	Giáo trình Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch	Nguyễn Doãn Thị Liễu (chủ biên)	Thống kê, 2011	Quản trị khu nghỉ dưỡng	KT120463	Học kỳ 2, năm thứ 3	
117.	Các tình huống Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch	Nguyễn Doãn Thị Liễu	Thống kê, 2011				
118.	Giáo trình Quản trị chất lượng	Nguyễn Đình Phan	Đại học Kinh tế quốc dân, 2012	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	KT120503	Học kỳ 2, năm thứ 3	
119.	Quản trị dịch vụ : lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam, Hà Nội	Lưu Đan Thọ	Tài chính, 2016				
120.	Giáo trình nghiệp vụ kinh doanh lữ hành.	Hà Thùy Linh	Hà Nội, 2001	Thiết kế và điều hành tour	XH147513	Học kỳ 1, năm thứ 4	
121.	Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành.	Nguyễn Văn Đỉnh – Phạm Hồng Chương	Thống kê, 2001				
122.	Công nghệ du lịch	Desnnis L. Foster, dịch giả Trần Đình Hải.	Thống kê, 1999				
123.	Cẩm nang nghiệp vụ và tiếp thị du lịch	Lao động	Lao động, 2001				
124.	Marketing du lịch	Nguyễn Văn Mạnh và Nguyễn Đình Hòa	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015	Marketing du lịch	KT120493	Học kỳ 1, năm thứ 3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
125.	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	Hà Nam Khánh Giao.	Thống kê, Hà Nội, 2020				
126.	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Quyết Thắng	Tài chính, 2014	Quản trị kinh doanh khách sạn	KT120503	Học kỳ 1, năm thứ 3	
127.	Tài Nguyên Du Lịch	Bùi Thị Hải Yến & Phạm Hồng Long	Giáo Dục, 2007	Tuyển điểm du lịch	XH147113	Học kỳ 2, năm thứ 3	
128.	Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030	Thủ tướng chính phủ	Thủ tướng chính phủ, 2020	Nghị vụ hướng dẫn du lịch	KT120513	Học kỳ 2, năm thứ 3	
129.	Luật du lịch Việt Nam 2017	Thủ tướng chính phủ	Thủ tướng chính phủ, 2017				
130.	Luật du lịch Việt Nam 2017	Thủ tướng chính phủ	Thủ tướng chính phủ, 2017	Quản lý điểm đến du lịch	KT120523	Học kỳ 1, năm thứ 4	
131.	Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan: Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam.	Thủ tướng chính phủ	Thủ tướng chính phủ, 2013	Luật du lịch	LC130143	Học kỳ 1, năm thứ 4	
132.	Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam	Thủ tướng chính phủ	Thủ tướng chính phủ, 2019				
133.	Giáo trình Nghiệp vụ Lễ hành	Phan Võ Thu Tâm và Hà Văn Hùng	Du lịch	Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch	KT120553	Học kỳ 2, năm thứ 4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
134.	Phân tích hoạt động kinh doanh	PGS.TS. Phạm Văn Dược	Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2011	Phân tích hoạt động kinh doanh,	KT120202	Học kỳ 2, năm thứ 4	
135.	Giáo trình quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	Nguyễn Thị Mỹ Thanh, Sử Ngọc Diệp	Xã hội, 2015	Kỹ năng tổ chức sự kiện	KT120302	Học kỳ 1, năm thứ 4	
136.	Giải Quyết Vấn Đề Theo Phương Thức Toyota	DJT Solutions	Phụ nữ, 2020	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	KT120322	Học kỳ 2, năm thứ 4	
137.	Quản trị kinh doanh quốc tế	Bùi Lê Hà và Cộng sự	Lao động – Xã hội, 2020	Quản trị kinh doanh quốc tế	KT120433	Học kỳ 2, năm thứ 4	
138.	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	GS.TS Đồng Thị Thanh Phương	Thống kê, 2008	Quản trị doanh nghiệp	KT120443	Học kỳ 2, năm thứ 4	
139.	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại (Tập 1)	Hoàng Minh Đường	Lao động Xã hội, 2005				
140.	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	PGS.TS. Ngô Kim Thanh – PGS.TS. Lê Văn Tâm	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008				
141.	Nhà quản lý tài chính cần biết	Nguyễn Hữu Ngọc	Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội, 2008	Lập thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư	KT120563	Học kỳ 2, năm thứ 4	
142.	Quản trị tài chính	Nguyễn Văn Phương	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông, 2015				

<b>STT</b>	<b>Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước</b>	<b>Tên học phần sử dụng sách, tạp chí</b>	<b>Mã học phần/môn học</b>	<b>Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)</b>	<b>Ghi chú</b>
143.	Câu hỏi và bài tập quản trị tài chính	TS. Nguyễn Văn Thuận	Thống kê, 2012				
144.	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	TS Nguyễn Hữu Tài	Thống kê, 2018	Thanh toán quốc tế trong du lịch	KT120573	Học kỳ 2, năm thứ 4	
145.	Thanh toán quốc tế	PGS TS Lê Văn Tê	Lao động, 2015				

### **15. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh năm 2023 cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh.

Lộ trình cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo theo quy định.

#### **15.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ**

a) Giảng viên: Trước khi giảng dạy học phần được nhà trường phân công, giảng viên cần công bố đề cương chi tiết học phần trong đó cần nêu rõ: nội dung trọng tâm, phương pháp học tập; giáo trình chính, tài liệu học tập và tham khảo để sinh viên có thể lựa chọn và chuẩn bị để học tập.

b) Sinh viên:

- Tích cực học tập, tham dự các tiết học lý thuyết, chuẩn bị bài tập đầy đủ theo hướng dẫn của giảng viên.

- Chỉ những sinh viên đủ điều kiện thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo quy định của trường mới được đăng ký học phần “Khóa luận tốt nghiệp”. Sinh viên không thực hiện khóa luận phải đăng ký học các học phần thay thế với số lượng 7 tín chỉ.

#### **15.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên**

- Tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực tự học, năng lực bồi dưỡng chuyên môn và học tập suốt đời.

- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập tại các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

Định hướng sinh viên nghiên cứu khoa học.

#### **15.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo**

Phòng học, phòng thực hành:

+ Phòng học lý thuyết cần có Projector.

+ Phòng máy cần được trang bị đủ máy tính, trang bị một số phần mềm hỗ trợ dạy học (theo yêu cầu của chương trình đào tạo). Khi thực hành cần bố trí 1 máy tính/1 sinh viên.

- Thư viện, học liệu: Cung cấp đủ tài liệu học tập và tài liệu tham khảo chính cho từng học phần.

- Giảng viên: có đủ các file giáo trình, file bài giảng, chuẩn bị tốt các phần mềm dạy học trực tuyến, ứng dụng quản lý người học để sẵn sàng triển khai dạy học khi cần thiết.

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**